



Edgar Cayce on the Life of Jesus Christ

Vincent Ortegon

Table of Contents

[Introduction](#)

[Preface](#)

[I. A BACKGROUND ON EDGAR CAYCE](#)

[II. THE LAST ADAM](#)

[III. THE ESSENES](#)

[IV. THE IMMACULATE CONCEPTION](#)

[V. THE NATIVITY](#)

[VI. THE EARLY YEARS](#)

[VII. JESUS ' MINISTRY](#)

[VIII. THE RESURRECTION](#)

[IX. REINCARNATION AND CHRISTIANITY](#)

[X. THE Gnostics](#)

[XI. BIBLICAL MANUSCRIPTS](#)

[XII. PROPHECY](#)

[XIII. CHRIST'S RETURN](#)

[XIV. MEDITATION REFLECTIONS](#)

Edgar Cayce on the Life of Jesus Christ

**By
Vincent Ortegon**

Edgar Cayce Readings ©1971, 1993-2007.
The Edgar Cayce Foundation. All rights reserved.

Introduction

What if we can know details about the life of Jesus Christ that are outside of the Bible? This book gives those details; from his childhood, to his homelife, his teenage years, his studies, his travels and even his physical appearance.

Known as the Sleeping Prophet, Edgar Cayce gave thousands of psychic readings on subjects ranging from healthcare; therapies, remedies, meditation and mind power. Within his archive of 14,306 unconscious readings this publication puts together the handful of readings he gave of Jesus Christ.

After three years of research this book was created with a purpose in mind: to inspire faith and to provide a new knowledge of Jesus Christ through God-given prophecy.

Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta có thể biết những chi tiết về đời sống của Đức Jesus Christ ở ngoài Kinh Thánh? Cuốn sách này mang đến các chi tiết ấy; từ thời thơ ấu, đời sống gia đình, những năm thiếu niên, việc học tập, những chuyến du hành và thậm chí cả diện mạo thể chất của Ngài.

Được biết đến như Tiên tri trong giấc ngủ, Edgar Cayce đã đưa ra hàng ngàn bài đọc thông linh về các chủ đề trải rộng từ chăm sóc sức khỏe; liệu pháp, phương dược, tham thiền và sức mạnh thể trí. Trong kho lưu trữ 14,306 bài đọc trong trạng thái vô thức của Ông, ấn phẩm này tập hợp số ít bài đọc Ông dành cho Đức Jesus Christ.

Sau ba năm nghiên cứu, cuốn sách này được hình thành với một mục đích: khơi truyền đức tin và đem lại một tri thức mới về Đức Jesus Christ qua lời tiên tri do Thượng đế ban.

Chapter Index

- I. A Background on Edgar Cayce
- II. The Last Adam
- III. The Essenes
- IV. The Immaculate Conception
- V. The Nativity
- VI. The Early Years
- VII. Jesus' Ministry
- VIII. The Resurrection
- IX. Reincarnation and Christianity
- X. The Gnostics
- XI. Biblical Manuscripts
- XII. Prophecy
- XIII. Christ's Return
- XIV. Meditation Reflections

Acknowledgments—Lời Cảm Tạ

I would like to thank my friends and family for supporting me in writing this book. I would also like to thank the A.R.E. (Association for Research and Enlightenment) for their assistance with the Edgar Cayce Readings.

Tôi xin cảm ơn bạn bè và gia đình đã nâng đỡ tôi khi viết cuốn sách này. Tôi cũng xin cảm ơn A.R.E. (Hiệp hội Nghiên cứu và Giác ngộ) về sự hỗ trợ đối với các Bản đọc của Edgar Cayce.

This book is one of a three-part series of compilations on the Edgar Cayce readings. If you enjoy this book and want to explore his readings on astrology and Atlantis, please see:

Cuốn sách này là một trong bộ ba tuyển soạn về các bản đọc của Edgar Cayce. Nếu bạn thích cuốn sách này và muốn khám phá các bản đọc của Ông về chiêm tinh học và Atlantis, xin mời xem tiếp:

Edgar Cayce's Psychic Astrology

Edgar Cayce on the Lost City of Atlantis

If you'd like to contact me, feel free to reach out!

Nếu bạn muốn liên hệ với tôi, xin cứ kết nối!

vincentortegon.com

Preface—Giới Thiệu

It was a simple conversation between my uncle and I during one Christmas dinner that eventually led to the writing of this book. We had been discussing different philosophies in light of skepticism and he asked me, “Have you ever heard of Edgar Cayce?” I responded, “No.” He continued, “He’s someone I think is worth believing.” I decided to investigate this so-called new age prophet he was referring to, and what stemmed from a simple curiosity ultimately led to a newfound life.

As a young adult I found it important that if I claimed to be a Christian I should know something about Christianity. In fact, I should know a great deal about it if I truly sought to understand it, to explain it, and even defend my faith if I had to. Therefore, I made it a goal to read the Bible frequently. I wanted to analyze the Bible for myself and gain personal insight into the Word of God and the life of Christ. Furthermore, I ventured into the realm of biblical scholarship reading books written by scholars that truly enhanced my understanding of Christianity within a historical and literary context.

After years of study, I found myself at a crossroads. Although I still considered myself a Christian my academic pursuits had left me with a great deal of skepticism. I came across some very disheartening yet convincing claims made by scholars that seemed to devalue the credibility of the Bible. I learned of many historical and narrative contradictions that challenged my faith. I was having some trouble now accepting the Bible as the truly inspired Word of God. I had been aware of some professors who went from evangelical Christians to full-blown skeptics intent on enforcing (through speech and literature) the discrepancies of the Bible. I didn’t want

Một cuộc trò chuyện giản dị giữa chú tôi và tôi trong bữa tối Giáng Sinh đã dẫn dắt dẫn tới việc viết cuốn sách này. Chúng tôi bàn về nhiều triết thuyết khác nhau dưới ánh sáng của hoài nghi, và chú hỏi tôi: “Cháu đã bao giờ nghe về Edgar Cayce chưa?” Tôi đáp: “Chưa.” Chú nói tiếp: “Đó là người mà chú nghĩ đáng để tin.” Tôi quyết định tìm hiểu vị tiên tri của thời đại mới mà chú nhắc tới, và điều nảy sinh từ một tò mò giản dị rồi cuộc đã dẫn đến một đời sống mới mẻ.

Là một người trưởng thành trẻ tuổi, tôi thấy điều quan trọng là nếu tôi tự xưng là một Kitô hữu thì tôi nên biết điều gì đó về Kitô giáo. Thật vậy, tôi nên biết rất nhiều về nó nếu tôi thật sự tìm cách thấu hiểu, giải thích, và thậm chí bảo vệ đức tin của mình nếu cần. Vì thế, tôi đặt mục tiêu đọc Kinh Thánh thường xuyên. Tôi muốn tự mình phân tích Kinh Thánh và đạt được những thông tuệ cá nhân về Linh từ của Thượng đế và đời sống của Đức Christ. Hơn nữa, tôi bước vào lĩnh vực học thuật Kinh Thánh, đọc những cuốn sách do các học giả viết, vốn thực sự nâng cao sự hiểu biết của tôi về Kitô giáo trong bối cảnh lịch sử và văn học.

Sau nhiều năm học tập, tôi thấy mình đứng ở ngã ba đường. Dù tôi vẫn xem mình là một Kitô hữu, các nỗ lực học thuật đã để lại trong tôi rất nhiều hoài nghi. Tôi bắt gặp một số luận điểm khiến nản lòng nhưng khá thuyết phục do các học giả đưa ra, dường như làm giảm giá trị độ tin cậy của Kinh Thánh. Tôi biết đến nhiều mâu thuẫn lịch sử và tự sự thách thức đức tin của mình. Tôi bắt đầu khó chấp nhận Kinh Thánh như Linh từ thật sự được Thượng đế soi dẫn. Tôi biết có những giáo sư từ Kitô hữu Phúc âm trở thành những người hoài nghi hoàn toàn, chủ tâm nêu bật (qua diễn thuyết và trước tác) các điểm bất nhất của Kinh Thánh. Tôi không muốn kết thúc như một trong những nhà phê bình ấy.

to end up like one of these critics. I wanted to remain a faithful Christian yet still acknowledge any contradictions the Bible contained. However, if a story in the Bible or a story about Jesus was perhaps false or fictional I wanted to know this since I do not like the idea of being misinformed or led astray. I wanted to know the truth. I would rather spend my life searching for the truth and never find it instead of believing a truth in my heart that is in fact a falsity. However, upon my journey for truth—searching different avenues while keeping an open heart and mind—I have fully come to believe in the conviction of: “Ask, and it will be given to you; seek, and you will find; knock, and it will be opened to you” (Matt. 7:7).

Tôi muốn vẫn là một Kitô hữu trung tín mà vẫn thừa nhận bất kỳ mâu thuẫn nào Kinh Thánh có thể chứa. Tuy nhiên, nếu một câu chuyện trong Kinh Thánh hay một chuyện về Đức Jesus có thể là sai hoặc hư cấu, tôi muốn biết, vì tôi không thích ý nghĩ bị thông tin sai hoặc bị dẫn lạc. Tôi muốn biết sự thật. Tôi thà dành cả đời tìm kiếm sự thật mà không bao giờ tìm ra, còn hơn tin một “sự thật” trong tim mình mà kỳ thực là một điều sai lầm. Tuy vậy, trên hành trình kiếm tìm chân lý—mở ra các lối khác nhau với trái tim và thể trí rộng mở—tôi đã trọn vẹn tin nhận lời xác quyết: “Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ, sẽ mở cho” (Mt. 7:7).

I. A BACKGROUND ON EDGAR CAYCE—I. BỐI CẢNH VỀ EDGAR CAYCE

“For I am determined that as long as I live I will know nothing among men save Jesus Christ and Him crucified!”

- Edgar Cayce

Edgar Cayce is the most documented clairvoyant to date. He was named the “Sleeping Prophet” since all his psychic readings were given in an unconscious state, in a self-induced trance, having no knowledge of what he said after he awoke. In his normal waking state, Edgar was a warm Sunday school teacher, a gifted photographer, and a loving and caring family man. In his unconscious state, he was a psychic healer, a religious seer, and an apparent channel for universal information. Nearly seventy percent of his psychic readings—over 14,000 typewritten records—are health-related. When prominent doctors and conventional medicine failed in treatment, suffering patients turned to Edgar Cayce and he would heal them through remedies given in his unconscious readings. He became known as the Father of Holistic Medicine and in 1931 an institution was established in his honor called the Association for Research and Enlightenment in Virginia Beach, Virginia.

For nearly every day over the course of forty-two years, Edgar would lie back on his couch, close his eyes, and enter a state of self-hypnosis. Then a conductor (most often his wife Gertrude) would provide the sleeping simpleton with an ill person’s name, address, and often a questionnaire. Edgar’s subconscious mind would then telepathically encounter the individual anywhere in the world and he would respond such as, “Yes, we have the body here,” and then do a complete overview, inside and out, describing the person’s

“Vì tôi quyết chỉ rằng chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ không biết gì giữa loài người ngoại trừ Đức Jesus Christ và Ngài chịu đóng đinh!”

- Edgar Cayce

Edgar Cayce là nhà thông nhãn được ghi chép nhiều nhất cho đến nay. Ông được gọi là “Tiên tri trong giấc ngủ” vì mọi bài đọc thông linh đều được ban trong trạng thái vô thức, trong một cơn xuất thần do tự mình gây nên, và sau khi tỉnh dậy Ông không biết mình đã nói gì. Trong trạng thái tỉnh, Edgar là một thầy giáo Trường Chúa nhật ấm áp, một nhiếp ảnh gia tài hoa, và một người gia trưởng yêu thương chăm sóc. Trong trạng thái vô thức, Ông là một nhà chữa lành thông linh, một nhà tiên tri tôn giáo, và tựa một kênh tiếp nhận thông tin phổ quát. Gần bảy mươi phần trăm các bài đọc thông linh của Ông — hơn 14.000 bản đánh máy — liên quan đến sức khỏe. Khi các bác sĩ danh tiếng và nền y học quy ước thất bại trong trị liệu, các bệnh nhân khổ đau tìm đến Edgar Cayce, và Ông chữa họ bằng những phương được ban trong các bài đọc vô thức. Ông được biết đến là Cha đẻ của y học toàn diện, và năm 1931, một thiết chế được thành lập để tôn vinh Ông mang tên Hiệp hội Nghiên cứu và Giác ngộ tại Virginia Beach, Virginia.

Gần như mỗi ngày trong suốt bốn mươi hai năm, Edgar ngả lưng trên ghế, nhắm mắt và bước vào trạng thái tự thôi miên. Sau đó một người điều phối (thường là vợ Ông, bà Gertrude) sẽ cung cấp cho “kẻ đang ngủ” giản dị ấy tên, địa chỉ của người bệnh, và thường kèm một bảng câu hỏi. Tâm trí tiềm thức của Edgar rồi sẽ tiếp xúc viễn cảm với người đó ở bất cứ nơi nào trên thế giới, và Ông sẽ đáp: “Vâng, chúng ta có thân thể ở đây,” rồi tiến hành tổng quan hoàn chỉnh, trong ngoài, mô tả các khiếm khuyết giải phẫu và sinh lý của người ấy, tiếp đó là những lời khuyên y khoa

anatomical and physiological defects followed by impeccable medical counsel. Doctors and psychologists who observed his sleep sessions were baffled when they heard him speak in such eloquent medical terminology. Here was a man with only a seventh-grade education able to speak in medical terms which would require years of academic study. A discouraged doctor aware of Edgar's abilities once said, "Why spend years studying medicine if some illiterate lying on a couch with his eyes closed can diagnose and prescribe better than any physician?" Edgar even gave sick people the names and addresses of doctors they should visit and where to find specific medications that pharmacists had never heard of. Once while in a trance Edgar spoke perfect Italian giving a medical diagnosis for a man in Italy over four thousand miles away, but Edgar clearly had no medical training whatsoever and certainly never learned to speak Italian growing up as an illiterate peasant in rural nineteenth-century America. Edgar once told a doctor, "I'm the dumbest man in Christian County, when I'm awake." The doctor responded, "But when you are asleep you know everything. Is that it?" "That's what they tell me," he replied.

Edgar Cayce was born on a tobacco farm in Hopkinsville Kentucky in 1877 into a conservative Christian home and community. He was a well-behaved boy but he was considered slow-minded and did very poorly in school. When he was in seventh grade he read at the third grade level; he had trouble paying attention and was perceived as a daydreamer. Despite his poor performance in school Edgar exhibited some very exceptional qualities as a child. He claimed he saw colors around people (otherwise known as auras). He told his grandmother that he saw the spirit of his deceased grandfather outside in the barn at times. He would also see and play with children who suddenly vanished when his

chuẩn xác. Các bác sĩ và nhà tâm lý học chứng kiến các phiên "ngủ" của Ông đã sửng sờ khi nghe Ông nói trôi chảy những thuật ngữ y khoa. Đây là một người chỉ học đến lớp bảy, vậy mà có thể dùng những thuật ngữ y học đòi hỏi nhiều năm học thuật. Một bác sĩ nản lòng, biết khả năng của Edgar, đã nói: "Sao phải mất năm này qua năm khác học y, nếu một anh mù chữ nằm trên ghế nhắm mắt lại có thể chẩn đoán và kê toa còn giỏi hơn bất kỳ bác sĩ nào?" Edgar thậm chí cho người bệnh tên và địa chỉ của các bác sĩ họ nên đến, và nơi tìm các phương dược cụ thể mà giới dược sĩ chưa hề nghe tới. Có lần, trong cơn xuất thần, Edgar nói tiếng Ý hoàn hảo khi đưa ra chẩn đoán cho một người đàn ông ở Ý cách hơn bốn nghìn dặm, trong khi rõ ràng Ông không hề được đào tạo y khoa và càng không hề học tiếng Ý, vì lớn lên là một nông dân mù chữ ở vùng nông thôn nước Mỹ thế kỷ XIX. Edgar từng nói với một bác sĩ: "Khi tôi tỉnh, tôi là người ngu nhất ở Christian County." Vị bác sĩ đáp: "Nhưng khi ông ngủ, ông biết mọi thứ. Phải vậy không?" "Người ta bảo tôi như thế," Ông trả lời.

Edgar Cayce sinh năm 1877 trong một gia đình làm thuốc lá ở Hopkinsville, Kentucky, trong một mái nhà và cộng đồng Kitô giáo bảo thủ. Ông là cậu bé ngoan nhưng bị xem là chậm trí và học rất kém ở trường. Lớp bảy mà đọc mức lớp ba; Ông khó tập trung và bị coi là hay mơ mộng. Dẫu việc học sa sút, Edgar lại bộc lộ vài phẩm chất rất đặc biệt khi còn nhỏ. Ông nói thấy các màu quanh người (tức hào quang). Ông bảo với bà mình rằng đôi lúc thấy linh của ông nội quá cổ ngoài chuồng. Ông cũng thấy và chơi với những đứa trẻ bỗng biến mất khi cha chạy tới xem Ông đang nói với ai. Cha mẹ cho rằng tất cả là do trí tưởng tượng phong phú của con trai. Khi lớn hơn, chỉ có một cuốn sách thỏa được cái trí rộng lớn của Edgar — Kinh Thánh.

father came to see who he was speaking with. His parents attributed all this to their son's fanciful imagination. As Edgar grew older there was only one book that would satisfy his grand mind—the Bible. Edgar was fascinated by the stories of the Old Testament and admired Jesus and the work of the apostles. No other boy had zest for the Bible like Edgar did. He read it every single day and made it a goal to read it once a year from cover to cover for every year of his life, which he did so up until his old age.

At the age of twelve, Edgar built a fort in the woods near his family's farm where he would retreat to read his favorite book. One day while reading he looked up and saw a woman and thought it was his mother at first, but then she spoke beautifully and said, "Your prayers have been heard. Tell me what you would like most of all, so that I may give it to you." Young Edgar was terrified at first, but then he noticed wings on her back as she smiled and awaited his response. Being inspired by Jesus and the disciples Edgar responded, "Most of all I would like to be helpful to other people, and especially children when they are sick." Suddenly the woman disappeared. Edgar ran home scared and told his mother what he had witnessed, but she comforted him believing it was a good sign. As a boy, Edgar dreamed of becoming a preacher with a rich congregation and thought that this was perhaps a sign of that destiny, but in the years to come his destiny would prove far greater than anything he could have imagined.

In his early twenties while working as a photographer Edgar lost his voice; his throat became extremely hoarse and he could barely whisper at times. The months passed and several doctors offered up treatments but nothing worked. His unknown ailment became chronic and Edgar wondered why his voice had been taken from him; for he hadn't become a preacher and thought that

Edgar say mê các câu chuyện Cựu Ước và kính mộ Đức Jesus cùng công việc của các tông đồ. Không cậu bé nào say Kinh Thánh như Edgar. Ông đọc mỗi ngày và đặt mục tiêu đọc trọn Kinh Thánh mỗi năm một lần, từ đầu đến cuối, suốt cả đời — việc Ông thực hiện cho đến lúc tuổi già.

Năm mười hai tuổi, Edgar dựng một pháo đài nhỏ trong rừng gần nông trại gia đình để lui tới đọc cuốn sách yêu thích. Một ngày, đang đọc, Ông ngẩng lên thấy một phụ nữ và tưởng lúc đầu là mẹ mình, nhưng rồi bà cất giọng tuyệt đẹp: "Lời cầu nguyện của con đã được lắng nghe. Hãy nói cho Ta điều con mong muốn nhất, để Ta có thể ban cho con." Cậu bé Edgar thoát đầu sợ hãi, rồi nhận ra đôi cánh trên lưng bà; bà mỉm cười và đợi câu đáp. Được cảm hứng bởi Đức Jesus và các môn đồ, Edgar thưa: "Điều con mong muốn nhất là hữu ích cho người khác, nhất là trẻ em khi chúng bị bệnh." Tức thì người phụ nữ biến mất. Edgar chạy về nhà trong sợ hãi và kể với mẹ điều đã chứng kiến, nhưng bà vỗ về, tin đó là điềm lành. Khi còn bé, Edgar mơ làm một mục sư với một giáo đoàn giàu có và nghĩ đây có lẽ là dấu chỉ của định mệnh ấy, nhưng về sau, định mệnh của Ông tỏ ra lớn lao hơn điều Ông có thể tưởng.

Đầu tuổi hai mươi, khi làm nhiếp ảnh gia, Edgar mất tiếng; cổ họng khàn đặc và đôi lúc chỉ thì thầm được. Nhiều tháng trôi qua, vài bác sĩ đưa ra trị liệu nhưng không hiệu quả. Căn bệnh vô danh trở nên mạn tính, và Edgar tự hỏi vì sao tiếng nói của mình bị lấy đi; vì Ông chưa thành mục sư và nghĩ rằng việc mất tiếng là dấu chỉ Ông chưa thi hành Ý Chí của Thượng đế, nhưng đức tin của Ông

the loss of his voice was an indication that he hadn't carried out God's will, but his faith never left him and he never gave up hope that one day his voice would be restored.

One day a traveling showman came to Hopkinsville and performed at the local opera house. He was able to hypnotize his audience and make them perform silly acts for a laugh. He heard of Edgar's case and was convinced he could cure his ailment at the cost of \$200. Nothing else seemed to work so Edgar agreed. The hypnotist met with Edgar and conducted a session, successfully putting Edgar to sleep. After the hypnotist said a few suggestions to everyone's surprise Edgar spoke clearly—but only while unconscious. When Edgar was ordered to wake up from his trance his voice faded again. The hypnotist tried several times to awaken him hoping that his voice would return to normal, but it didn't. The hypnotist finally gave up and left town without curing Edgar.

A professor from Kentucky College heard of the experiment and started to investigate. He contacted a doctor in New York who suggested that Edgar, while in a deep trance, be ordered to explain what was wrong with himself and how to cure it. Edgar was put to sleep and the question about the ailment was asked, and while unconscious, Edgar explained that there was a lack of blood flow to his throat and that by ordering the blood to return to normal he would be cured. The conductor made the order and Edgar's throat suddenly blushed red as the blood returned, and after a few minutes, he woke up and spoke as clear as day! Edgar had cured himself in a state of self-hypnosis. This was a miracle no doubt, and Edgar's family thought that if he could cure himself he might be able to cure others, and that's exactly what they suggest he try his hand at.

As a young man, Edgar was very apprehensive about putting his bizarre

không rời bỏ Ông, và Ông không ngừng hy vọng một ngày tiếng nói sẽ được phục hồi.

Một ngày, một người làm trò lưu động đến Hopkinsville và diễn ở nhà hát địa phương. Ông ta có thể thôi miên khán giả và khiến họ làm những điều khôi hài để mua vui. Ông ta nghe về trường hợp của Edgar và tin mình có thể chữa căn bệnh ấy với giá 200 đô la. Không gì khác hiệu quả nên Edgar đồng ý. Nhà thôi miên gặp Edgar và tiến hành một phiên, khiến Edgar ngủ. Sau khi nhà thôi miên đưa vài ám thị, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Edgar nói rõ ràng — nhưng chỉ khi vô thức. Khi ra lệnh đánh thức, tiếng nói của Edgar lại tắt. Nhà thôi miên thử nhiều lần, hy vọng tiếng nói sẽ trở lại bình thường, nhưng không. Cuối cùng ông ta bỏ cuộc và rời thị trấn, không chữa được cho Edgar.

Một giáo sư từ trường Cao đẳng Kentucky nghe về thí nghiệm và bắt đầu điều tra. Ông liên hệ một bác sĩ ở New York, người gợi ý rằng trong trạng thái xuất thần sâu, hãy ra lệnh cho Edgar tự giải thích điều gì sai với mình và cách chữa. Edgar được cho ngủ, câu hỏi về chứng bệnh được nêu, và trong vô thức, Edgar giải thích rằng có sự thiếu máu tới cổ họng và rằng bằng cách ra lệnh cho máu trở lại bình thường, Ông sẽ được chữa. Người điều phối đưa ra mệnh lệnh, cổ họng của Edgar bỗng ửng đỏ khi máu trở lại, và sau vài phút, Ông tỉnh dậy và nói rõ như ban ngày! Edgar đã tự chữa trong trạng thái tự thôi miên. Hẳn đó là một phép lạ, và gia đình nghĩ nếu Ông có thể tự chữa thì có thể chữa cho người khác — họ khuyên Ông thử — và đúng là Ông đã thử.

Khi còn trẻ, Edgar rất e dè sử dụng các năng lực thông linh kỳ lạ. Ông sợ kê một phương

psychic abilities to use. He was afraid of prescribing a remedy that could potentially hurt or even kill someone. He didn't want to be considered a psychic or a medium whatsoever. He just wanted to live an ordinary Christian life, but after giving a few health readings for ill family members and townspeople which proved to cure them, everyone urged him to continue, and so he did. Edgar eventually took on the role in town as a "psychic diagnostician."

As the years went on Edgar cured diseases that doctors deemed incurable. He cured his wife of tuberculosis when doctors gave her a week to live. He healed his son's blindness after gunpowder exploded in his face. In one instance Edgar gave a reading for a baby that was having constant seizures and was on the brink of death. Edgar prescribed a remedy with a mixture of chemicals that doctors deemed to be poisonous. They were sure this would kill the child and told the mother not to administer the treatment, but the mother ignored the doctors' orders and did what the sleeping Edgar said. After administering the dose the baby went to sleep, and after he woke up he was as healthy as could be and the seizures stopped. Edgar also gave many readings on cancer and in one instance prescribed a serum containing rabbit's blood to the patient. This may seem to be an unusual treatment; however, current research has shown that antibodies found in rabbit blood have improved the survival rates of leukemia patients. Cayce's remedies, which seemed unorthodox in his day, are continually being validated by modern medical science.

Throughout the years Edgar worked at a bookstore and as a traveling photographer making very little money while giving health readings on the side for free. He vowed never to use his special abilities for monetary gain even though people were willing to pay him handsomely for his psychic services. Many times people took

được có thể gây hại hay thậm chí giết ai đó. Ông không muốn bị xem là người thông linh hay đồng tử/trung gian. Ông chỉ muốn sống một đời Kitô hữu bình thường, nhưng sau khi ban vài bài đọc sức khỏe cho người thân và dân thị trấn đang bệnh — điều tỏ ra chữa lành cho họ — mọi người thúc giục Ông tiếp tục, và Ông đã làm vậy. Cuối cùng Edgar đảm nhận vai trò "nhà chẩn bệnh thông linh" trong thị trấn.

Theo năm tháng, Edgar chữa khỏi những căn bệnh bác sĩ cho là nan y. Ông chữa lao phổi cho vợ khi bác sĩ chỉ cho bà sống một tuần. Ông chữa lành mù lòa cho con trai sau khi thuốc súng nổ ngay mặt. Có lần, Edgar ban bài đọc cho một em bé co giật liên tục, thập tử nhất sinh. Edgar kê một phương dược là hỗn hợp hóa chất mà bác sĩ cho là chất độc. Họ chắc chắn nó sẽ giết đứa trẻ và bảo người mẹ đừng dùng, nhưng bà phớt lờ và làm theo lời "người đang ngủ" Edgar. Sau khi cho uống, em bé ngủ, rồi khi thức dậy, khỏe mạnh và cơn co giật chấm dứt. Edgar cũng ban nhiều bài đọc về ung thư, và có lần kê cho bệnh nhân một loại huyết thanh chứa máu thỏ. Điều này có vẻ lạ lùng; tuy nhiên, nghiên cứu hiện nay cho thấy các kháng thể trong máu thỏ đã cải thiện tỉ lệ sống của bệnh nhân bạch cầu. Các phương dược của Cayce, vốn có vẻ dị thường vào thời Ông, đang được khoa học y học hiện đại kiểm chứng dần.

Suốt những năm tháng, Edgar làm việc ở một hiệu sách và làm nhiếp ảnh lưu động, kiếm rất ít tiền, trong khi ban các bài đọc sức khỏe miễn phí bên lề. Ông thể không bao giờ dùng năng lực đặc biệt của mình để trục lợi, dù người ta sẵn lòng trả hậu hĩnh cho các dịch vụ thông linh của Ông. Nhiều lần, người ta lợi dụng khả năng của Edgar bằng cách xin

advantage of Edgar's abilities by requesting stock market tips and horse race winnings for personal gain, and the correct answers would come but the adverse effects were immediate; Edgar himself or the person requesting the information would suddenly become ill for example. It was very important that the intentions of those seeking information from Edgar be pure in heart and in accord with righteousness.

As his notoriety spread later in life, people came to Edgar wanting answers to questions outside the realm of medicine and healing. For the first twenty years of giving his psychic readings, they were mostly medicinal. People weren't coming to him asking questions that were metaphysical or philosophical in nature, but eventually, people did. Curious minds came to Edgar seeking knowledge about astrology, the cosmos, the nature of God, and information about Jesus Christ.

The Source of the Readings

With such an astounding volume of psychic discourse from an unconscious countryman on a couch any inquisitive mind would question the source of the information. To quote the waking Edgar himself: "With regard to the source of information, I have some ideas, naturally; but even though I have been doing this work for 31 years I know very little about it. Whatever I could say would be largely a matter of conjecture. I can make no claims whatsoever to great knowledge... on the subject of soul power I have nothing new to offer other than my understanding of what was presented by the man Jesus who became the Christ."

Whenever he chose to, Edgar was able to sleep and lay aside his personality and attune to the universal source of knowledge known as the Akashic Records, or God's Book of Life. These records can be understood as a

mạng thị trường chứng khoán và kết quả đua ngựa để vụ lợi, và câu trả lời đúng sẽ đến nhưng hệ quả bất lợi xảy ra tức thì; chẳng hạn Edgar hoặc người xin thông tin bỗng bị bệnh. Điều vô cùng quan trọng là ý định của người tìm kiếm thông tin nơi Edgar phải thanh sạch trong lòng và phù hợp với chính trực.

Khi danh tiếng lan rộng về sau, người ta tìm đến Edgar muốn có câu trả lời vượt ngoài lĩnh vực y khoa và chữa lành. Trong hai mươi năm đầu ban các bài đọc thông linh, chúng chủ yếu là y dược. Người ta chưa đến với Ông để hỏi những câu hỏi thuộc về siêu hình hay triết học, nhưng rồi họ đã đến. Các trí óc tò mò tìm đến Edgar để hỏi về chiêm tinh học, vũ trụ, bản tính của Thượng đế, và các thông tin về Đức Jesus Christ.

Nguồn của các bài đọc

Với một lượng diễn ngôn thông linh đồ sộ từ một người nông thôn vô thức nằm trên ghế, bất kỳ trí óc ham hỏi nào cũng sẽ thắc mắc về nguồn của thông tin ấy. Trích lời Edgar khi tỉnh: "Về nguồn thông tin, dĩ nhiên tôi có vài ý niệm; nhưng dù tôi đã làm công việc này suốt 31 năm, tôi biết rất ít về nó. Bất cứ điều gì tôi nói phần lớn cũng chỉ là suy đoán. Tôi không thể đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về đại tri thức... về đề tài năng lực linh hồn, tôi không có gì mới để cống hiến ngoài sự hiểu biết của tôi về những gì đã được trình bày bởi con người Jesus, người đã trở thành Đức Christ."

Bất cứ khi nào muốn, Edgar có thể ngủ, đặt phàm ngã của mình sang một bên và điều chỉnh hợp với nguồn tri thức phổ quát được biết là Hồ sơ Akasha, hay Sách Sự Sống của Thượng đế. Những hồ sơ này có thể được

universal cosmic database; a storehouse of all thoughts and events past, all happenings of the present in conjunction with all possibilities and certainties of the future. In terms of a person's individual soul Cayce says that every soul entity makes a record upon the skein of space and time.

When further considering the source of Edgar's prophetic readings, there appeared to be numerous sources, or contacts in the spirit plane. In some cases, Edgar received information from individual spirit guides or guardian angels. Interestingly enough, it appears that readings were given directly from Jesus Christ himself:

(Q) *May it be known to me who gave those words? (A) Those words came from thine own, from thine brother – from the Master. (137-127)*

(Q) *Might I receive at this time a message from the Master? (A) Come, mine daughter, mine sister. In choosing me, as I have chosen you, there comes that beauty of oneness in knowing the way that brings to others peace, joy, happiness, in DOING HIS will... (993-3)*

(Q) *Might I secure at this time a message from the Master, Jesus? (A) This should come more direct within self. Open the door that He may enter... as ye apply thyself in daily service, ye attune thyself to that Christ-Consciousness which He attained in the last days of the physical entity in the earth. (993-7)*

hiểu như một cơ sở dữ liệu vũ trụ: kho tàng của mọi tư tưởng và biến cố quá khứ, mọi sự kiện hiện tại, cùng mọi khả thể và tất yếu của tương lai. Xét về linh hồn cá nhân của một người, Cayce nói rằng mọi thực thể linh hồn đều ghi dấu một bản lục trên tấm lưới của không gian và thời gian.

Khi xét xa hơn về nguồn của các bài đọc tiên tri của Edgar, dường như có nhiều nguồn, hay các tiếp xúc trong cõi tinh thần. Có trường hợp, Edgar nhận thông tin từ các vị hướng dẫn tinh thần riêng lẻ hoặc các thiên thần hộ mệnh. Điều thú vị là, có vẻ có những bài đọc được ban trực tiếp từ chính Đức Jesus Christ:

(H) *Có thể cho tôi biết ai đã ban những lời đó không? (Đ) Những lời đó đến từ chính người, từ huynh đệ của người — từ Đấng Thầy. (137-127)*

(H) *Lúc này tôi có thể nhận một thông điệp từ Đấng Thầy không? (Đ) Hãy đến, con gái của Ta, chị/em của Ta. Khi chọn Ta, như Ta đã chọn người, sẽ đến vẻ đẹp của nhất thể trong việc biết con đường đem tới cho người khác bình an, hoan lạc, hạnh phúc, bằng việc THỰC HIỆN Ý CHÍ CỦA NGÀI... (993-3)*

(H) *Lúc này tôi có thể nhận một thông điệp từ Đấng Thầy, Đức Jesus, không? (Đ) Điều này nên đến trực tiếp hơn bên trong tự người. Hãy mở cửa để Ngài vào... khi người ứng dụng mình trong phụng sự mỗi ngày, người điều hợp mình với tâm thức Christ mà Ngài đã đạt được vào những ngày cuối cùng của hiện thể thể chất nơi trần gian. (993-7)*

II. THE LAST ADAM—II. A-ĐAM SAU CÙNG

In Greek cosmogony it is said that preceding God there was Chaos; a black timeless void of disorder. Cayce also references the concept of Chaos:

In the beginning when chaos existed in the creating of the earth, the Spirit of God moved over the face of same and out of chaos came the world - with its beauty in natural form, or in nature. (3976-8)

Within a dark timeless void, an eternal consciousness came about and formed what became light—this light was God. The light moved itself, creating all in existence while bringing about a new radiance of light that was still God yet its own entity, created for true companionship yet given free will. This new light that came from God was Christ. In the Roman Catholic Church, a familiar passage from the Nicene Creed explains Jesus as: “the only begotten Son of God, begotten of the Father before all ages. Light of light, true God of true God, begotten not made, consubstantial with the Father, by whom all things came into being.”

The Cayce readings say that all souls were created in the beginning; for all souls were created in the beginning and none were created later. Within the universe the planet Earth existed simply as a representation of God’s creativity, but outside of the earth plane existed numerous dimensions that souls traveled about. Upon their journey throughout the spheres they came upon an alluring earth with its colorful fruits and beautiful animals. They were curious and wanted to experience the intercourse of the animals and feel the beauty of the things that were visually appealing. Souls entered

Trong vũ trụ luận Hy Lạp, người ta nói rằng trước Thượng đế là Hỗn Mang; một khoảng trống đen vô thời của hỗn độn. Cayce cũng dẫn đến khái niệm Hỗn Mang:

Thuở ban đầu khi hỗn mang hiện hữu trong cuộc tạo lập địa cầu, Tinh Thần của Thượng đế vận hành trên bề mặt nó, và từ hỗn mang mà thế giới xuất hiện — với vẻ đẹp của nó trong hình thể tự nhiên, hay trong thiên nhiên. (3976-8)

Trong khoảng không vô thời tăm tối, một tâm thức vĩnh cửu khởi sinh và kết nên điều trở thành ánh sáng — ánh sáng ấy là Thượng đế. Ánh sáng tự vận hành, tạo nên mọi thứ hữu tại, đồng thời làm hiển lộ một rạng quang mới vẫn là Thượng đế nhưng như một thực thể riêng, được tạo để làm bạn đồng hành đích thực và được ban tự do ý chí. Rạng quang mới phát xuất từ Thượng đế ấy là Đức Christ. Trong Giáo hội Công giáo Rôma, một đoạn quen thuộc trong Kinh Tin Kính Nixêa diễn tả Đức Jesus là: “Con Một của Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời. Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành.”

Các bài đọc Cayce nói rằng mọi linh hồn đều được tạo ngay từ ban đầu; vì tất cả linh hồn được tạo lúc ban đầu và không có linh hồn nào tạo sau đó. Trong vũ trụ, Địa cầu tồn tại như một biểu lộ của tính sáng tạo của Thượng đế, nhưng bên ngoài cõi địa cầu có vô số chiều giới mà các linh hồn du hành qua. Trên hành trình qua các tầng giới, họ gặp một trái đất cuốn hút với đủ sắc trái và muôn thú đẹp đẽ. Họ hiếu kỳ và muốn trải nghiệm sự giao phối của loài vật và cảm nếm cái đẹp của những điều vừa mắt. Các linh hồn bước vào địa cầu và bắt đầu trộn lẫn với vật chất; về căn bản là tự đẩy mình vào một cõi ba

the earth and started to mingle with matter; essentially pushing themselves into a three-dimensional realm that had been evolving without the necessary intent to inhabit souls. They were intent on exploring all aspects of the material world including the trees, the rocks, the waters, and the animals. As they became more entangled in the earth a spiritual separation took place and the reality of the spiritual realm transitioned into the reality of the physical realm. Souls lost their sense of spiritual origin as they took on forms of their own creations, as were the giants and animal-human hybrids depicted in the Old Testament and in ancient mythology. As Cayce gave:

Some brought about monstrosities... Hence those of the Styx, satyr, and the like; those of the sea, or mermaid; those of the unicorn, and those of the various forms.” (364-10)

The earth, which was initially the animal kingdom, was now populated by entities entrapped in grotesque bodies. As time progressed the culture of the earth became more corrupt. Spirits were coming into the earth solely to experience physical gratification. It was Amilius—the first Son of God—who first noticed the separated souls trapped in their beastly self-created bodies. Amilius, along with the Sons of God; or angels, took it upon themselves to descend into the earth in order to rescue the wayward souls. Amilius developed a plan where he would fashion, from the elements of the earth, more appropriate physical bodies for the entrapped souls which would allow them to evolve physically and spiritually and ultimately to make their way out of the material world and back to God. When Amilius entered the earth he became known as Adam; the first Adam who would eventually become the last Adam.

The first mention of the “last Adam” was by

chiều, cõi vốn đã tiến hóa mà không có chủ ý cần thiết để chứa đựng linh hồn. Họ chủ tâm thám sát mọi khía cạnh của thế giới vật chất, gồm cây cối, đá, nước và thú vật. Khi họ sa lầy hơn vào địa cầu, một cuộc phân lìa tinh thần phát sinh, và thực tại của cõi tinh thần chuyển sang thực tại của cõi thể chất. Các linh hồn đánh mất cảm thức về nguồn gốc tinh thần khi họ khoắc lên các hình thể do chính họ tạo, như những người khổng lồ và các dạng lai thú-người đã được mô tả trong Cựu Ước và trong thần thoại cổ. Như Cayce đã nói:

Một số tạo ra các quái thai... Do đó có những kẻ thuộc về Styx, dương thần, và những loài tương tự; những loài của biển, hay nàng tiên cá; những loài của kỳ lân, và những loài mang nhiều hình dạng khác nhau.” (364-10)

Địa cầu, vốn ban đầu là giới động vật, nay đầy rẫy các thực thể bị giam trong những thân xác ghê gớm. Theo thời gian, văn hóa trần gian trở nên bại hoại hơn. Các linh đến đất chỉ để trải nghiệm khoái lạc thể chất. Chính Amilius — Con đầu tiên của Thượng đế — là Đấng đầu tiên nhận ra các linh hồn bị phân lìa mắc kẹt trong những thân xác thú tính do chính họ tạo. Amilius, cùng với các Con của Thượng đế — tức các thiên thần — đã gánh lấy sứ mệnh giáng vào địa cầu để cứu các linh hồn lạc lối. Amilius lập một kế hoạch: từ các nguyên tố của đất, Ngài sẽ tạo nên những thân xác thể chất thích hợp hơn cho các linh hồn mắc kẹt, nhờ đó họ có thể tiến hóa cả về thể chất lẫn tinh thần, và rút cuộc ra khỏi thế giới vật chất để trở về với Thượng đế. Khi Amilius giáng vào địa cầu, Ngài được biết là A-đam; A-đam thứ nhất, Đấng rồi sẽ trở nên A-đam sau cùng.

Lần đầu “A-đam sau cùng” được nhắc tới là

Paul the Apostle. It was Paul's beliefs about Jesus which became the cornerstone of the Christian faith. After experiencing multiple revelations from Jesus, Paul traveled the lands and began to preach his message while establishing little church communities which he tried to manage. Paul wrote letters to them formulating his theology and often trying to settle communal disputes among his followers. In 1st Corinthians Paul writes: "Thus it is written, 'The first man Adam became a living being'; the last Adam a life-giving spirit" (45). Also in 1st Corinthians Paul submits: "For as in Adam all die, so also in Christ shall all be made alive" (15:22). Paul doesn't elaborate on this, therefore the following was asked to the sleeping Cayce:

(Q) What was meant by "As in the first Adam sin entered, so in the last Adam all shall be made alive?" (A) Adam's entry into the world in the beginning, then, [he] must become the savior OF the world, as it was committed to his care. (364-7)

Throughout the Bible there are many honorable and God-fearing men who became ministers and prophets who led people back to God. In the Old Testament, there was Melchizedek, the Priest of Salem who was named the King of Righteousness. There was Enoch who "walked with God" (Gen. 5:24). There was Asaph, a prophet who wrote several verses in the Book of Psalms. And there was the prophet Jeshua who aided in the construction of the Jewish Temple, building an altar to God (Ezra 3:2). Men such as these, according to the Cayce readings, were later incarnations of Adam and former incarnations of Jesus Christ:

(Q) Please give the important re-incarnations of Adam in the world's history. (A) In the beginning as Amilius, as Adam, as Melchizedek, as Zend, as Ur, as Asaph, as Jesus [Jeshua] - Joseph - Jesus. (364-7)

do Tông đồ Phaolô. Chính niềm tin của Phaolô về Đức Jesus đã trở thành nền tảng của đức tin Kitô giáo. Sau khi trải qua nhiều mặc khải từ Đức Jesus, Phaolô đi khắp nơi rao giảng sứ điệp và lập nên những cộng đoàn nhỏ, cố gắng chăm nom họ. Phaolô viết thư cho họ, hình thành thần học của mình và thường giải quyết các tranh chấp cộng đoàn trong hàng môn đồ. Trong 1 Cô-rinh-tô, Phaolô viết: "Như có chép rằng: 'Người thứ nhất là A-đam trở nên một sinh linh sống'; A-đam sau cùng là thần linh ban sự sống" (45). Cũng trong 1 Cô-rinh-tô, Phaolô nói: "Như trong A-đam mọi người đều chết, thì trong Đức Christ mọi người cũng sẽ được sống lại" (15:22). Phaolô không khai triển thêm, vì vậy người ta đã hỏi Cayce đang ngủ như sau:

(H) "Như trong A-đam thứ nhất, tội lỗi vào, thì trong A-đam sau cùng mọi người sẽ được sống" nghĩa là gì? (Đ) A-đam đã vào thế gian từ ban đầu, vậy [Ngài] phải trở nên Đấng cứu rỗi CỦA thế gian, bởi vì thế gian đã được giao phó cho Ngài chăm nom. (364-7)

Xuyên suốt Kinh Thánh, có nhiều người đáng kính sợ Thượng đế trở thành các mục tử và tiên tri dẫn dắt dân chúng trở về với Thượng đế. Trong Cựu Ước, có Menkixêđéc, Tư tế của Salem, được gọi là Vua Công Chính. Có Enoch, người "đã đồng hành với Thượng đế" (Stk. 5:24). Có Asaph, một tiên tri viết nhiều đoạn trong Sách Thánh Thi. Và có tiên tri Jeshua, người góp phần xây dựng Đền thờ Do Thái, dựng một bàn thờ cho Thượng đế (Êxơra 3:2). Những người như thế, theo các bài đọc Cayce, là các hóa thân về sau của A-đam và là những tiền thân của Đức Jesus Christ:

(H) Xin cho biết các lần đầu thai quan trọng của A-đam trong lịch sử thế giới. (Đ) Thuở ban đầu là Amilius, là A-đam, là Menkixêđéc, là Zend, là Ur, là Asaph, là Jesus [Jeshua] — Joseph — Jesus. (364-7)

Cayce explains that Jesus was a man but that the “Christ” was not a man. The Christ was the Spirit; the divine messenger who was made manifest in the men who led Judaism throughout the ages. Cayce tells that in a past life of Jesus, he was a man by the name of Zend. While in the land of Persia, Zend developed the teachings which would later become Zoroastrianism; one of the earliest monotheistic religions which came to influence Judaism, Christianity, and Greek Philosophy. One of the main principles in Zoroastrianism is: having Oneness with the Father. Cayce also mentions that the great prophet Melchizedek was a past incarnation of Jesus. According to the Book of Hebrews, Jesus is said to be “a priest forever in the order of Melchizedek” (5:6). If viewed from a standpoint of reincarnation, this passage could reflect the literal order of Jesus’ earthly lives.

The idea that Jesus had lived past lives on earth is not something considered in traditional Christianity, however, as we have seen there exist passages in the New Testament that allude to Jesus being the last Adam; or the final incarnation of Adam who became perfected throughout the generations on earth. Adam was sent to Earth in the beginning to save the world, however, he fell when he sinned in Eden. Although Adam didn’t save the world in the beginning he eventually came to save the world later on when he was incarnated as Jesus Christ.

For, know that He – who was lifted up on the Cross in Calvary – was also that Son in the land of the setting sun; also he that first walked among men at the beginning of man’s advent into flesh! For He indeed was and is the first Adam, the last Adam; that is the way, the truth, the light! (2402-2)

Cayce giải thích rằng Đức Jesus là một con người, nhưng “Đức Christ” không phải là con người. Đức Christ là Thần Linh; là sứ giả thiêng liêng được hiển lộ nơi những con người đã dẫn dắt Do Thái giáo qua các thời đại. Cayce cho biết trong một tiền kiếp, Đức Jesus là một người tên Zend. Nơi đất Ba Tư, Zend phát triển các giáo huấn sau này trở thành Bái hỏa giáo — một trong những tôn giáo độc thần sớm nhất — đã ảnh hưởng đến Do Thái giáo, Kitô giáo và Triết học Hy Lạp. Một trong những nguyên tắc chính của Bái hỏa giáo là: đạt Nhất hợp với Cha. Cayce cũng nói đại tiên tri Menkixêđéc là một hóa thân trước của Đức Jesus. Theo Thư Do Thái, Đức Jesus được nói là “tư tế đến muôn đời theo phẩm trật Menkixêđéc” (5:6). Nếu nhìn từ quan điểm luân hồi, đoạn này có thể phản ánh trật tự theo nghĩa đen các đời sống trần gian của Đức Jesus.

Ý tưởng rằng Đức Jesus đã sống các đời trước trên trần gian không được xét đến trong Kitô giáo truyền thống; tuy nhiên, như ta đã thấy, có những đoạn trong Tân Ước ám chỉ Đức Jesus là A-đam sau cùng; tức hóa thân cuối của A-đam, Đấng đã nên toàn thiện qua các thế hệ trên đất. A-đam được sai đến Địa cầu ban đầu để cứu thế gian, nhưng Ngài đã sa ngã khi phạm tội ở Êđen. Dẫu A-đam không cứu thế gian lúc ban đầu, Ngài rốt cuộc đã cứu thế gian về sau khi hóa thân làm Đức Jesus Christ.

Vì, hãy biết rằng Ngài — Đấng được giương cao trên Thập giá tại Gôgôtha — cũng là Vị Con nơi vùng đất mặt trời lặn; cũng là Đấng đầu tiên bước đi giữa loài người lúc khởi thủy con người nhập xác! Vì quả thật Ngài chính là A-đam thứ nhất, A-đam sau cùng; chính Ngài là đường đi, là chân lý, là ánh sáng! (2402-2)

III. THE ESSENES—III. NHÓM ESSENE

The Essenes were an early sect of Jews (not mentioned in the Bible) whose primary belief system was founded on prophecy. This community was intent on preserving the ancient texts and teachings of the priests and prophets of the Old Testament like Elijah, Samuel, Melchizedek, and Enoch. The Essenes also kept records of supernatural experiences among them including symbolic dreams, visions, and voices heard.

The ancient historian Josephus provides us with some valuable details regarding the Essenes: “There are also among them those who profess to foretell what is to come, being thoroughly trained in holy books, various purifications, and concise sayings of the prophets. Rarely ever do they fail in their predictions.” Josephus tells of their belief in the communication with angels and how they believed in the immortality of the soul. He describes how they were despisers of wealth and sustained a societal group where neither the superiority of wealth nor the humiliation of poverty was detected.

The Essenes were highly disciplined in their day-to-day rituals and communal workings. The purity of body and mind was central in their convictions and self-control was key in keeping in line with the divine. The studies of the Essenes were more mystical in contrast to traditional Judaism. Cayce explains that the Essenes were students of astrology, numerology, phrenology (the study of the skull) as well as the concept of reincarnation; or the return of individuals. The Essenes were different from the other two sects of Jews in first-century Palestine—the Pharisees and the Sadducees. These men were the Jewish high priests who observed the Law of Moses, kept the Sabbath holy, worked in the Temple as tradesmen, and believed in animal sacrifice. In the gospels Jesus interacts with these men on several occasions and challenges them, claiming

Người Essene là một giáo phái Do Thái sớm (không được nhắc trong Kinh Thánh) có hệ niềm tin chủ đạo đặt nền trên lời tiên tri. Cộng đồng này chủ tâm gìn giữ các văn bản và giáo huấn cổ của các tư tế và tiên tri Cựu Ước như Êlia, Samuel, Menkixêđéc và Enoch. Người Essene cũng lưu lại các trải nghiệm siêu nhiên trong cộng đồng, gồm mộng tượng biểu trưng, khả kiến và các tiếng phán được nghe thấy.

Sử gia cổ Josephus cung cấp vài chi tiết quý giá về người Essene: “Trong số họ cũng có những người tự xưng biết tiên báo điều sắp đến, vì đã được huấn luyện kỹ càng trong các sách thánh, qua nhiều nghi thức tẩy uế, và những lời súc tích của các tiên tri. Họ hiếm khi sai trong các dự ngôn của mình.” Josephus kể về niềm tin của họ vào sự giao thông với thiên thần và cách họ tin vào tính bất tử của linh hồn. Ông mô tả việc họ khinh chê của cải và duy trì một xã nhóm trong đó không hề nhận ra sự trội hơn vì giàu có hay nhục nhã vì nghèo khó.

Người Essene rất nghiêm kỷ trong các nghi thức thường nhật và sinh hoạt cộng đoàn. Sự thanh sạch của thân và tâm là trọng tâm tín niệm, và tự chủ là chìa khóa để đi đúng hàng với điều thiêng liêng. Các học phái của người Essene mang tính huyền nhiệm hơn so với Do Thái giáo truyền thống. Cayce giải thích rằng người Essene học chiêm tinh học, số học, thuật sọ tướng (nghiên cứu hộp sọ) cũng như quan niệm luân hồi; tức sự trở lại của các cá nhân. Người Essene khác với hai giáo phái Do Thái khác ở Palestine thế kỷ thứ nhất — Pha-ri-si và Sa-đu-sê. Những người này là các thầy tế lễ Do Thái tuân thủ Luật Môi-se, giữ ngày Sa-bát, làm việc trong Đền thờ với tư cách thợ thủ công, và tin ở việc tế sinh thú vật. Trong các sách Tin Mừng, Đức Jesus nhiều lần tiếp xúc và thách thức họ, khẳng định rằng cha của họ là Ma Quỷ (Ga. 8:44).

that their father is the Devil (John 8:44).

According to historical accounts the Essenes looked down upon animal sacrifice to appease God. They were opposed to commerce and trading on the grounds that it led to covetousness. Unlike the Pharisees and the Sadducees, the Essenes accepted both Jews and Gentiles alike and also considered women as equal to men, for they understood the importance of women as being physical channels for giving birth.

Being watchers of the night skies and the constellations, the Essenes understood that a new astrological age was upon them, the Piscean Age. This meant significant changes on earth regarding man's relationship with God. The Piscean age signified that God would enter the earth and dwell among men. The stars gave the signs, specifically the position of the North Star. The Essenes knew that the Messiah was to come and took it upon themselves to prepare the way starting some three hundred years before the advent of Christ.

When the time came the elders of the Essenes chose twelve young girls who were prepared as potential vessels for the entrance of the Messiah into the world. These girls were trained physically through various exercises and activities; they were provided healthy foods and were banned from drinking wine or any other fermented substance. They were trained on concepts regarding purity, chastity, love, and patience. It was essential that these young maidens abide by physical and mental laws so that their bodies became perfect temples for the entrance of the Christ. The training of the twelve maidens went on for three years before the Virgin Mary was chosen as the mother of Christ.

According to Cayce, although the Essenes had chosen twelve young girls to be potential mothers of the Christ, the Virgin

Theo các kỹ thuật lịch sử, người Essene coi thường việc tế sinh thú vật để làm vừa lòng Thượng đế. Họ phản đối thương mại và mua bán vì cho rằng điều đó dẫn tới lòng tham. Khác với Pha-ri-si và Sa-đu-sê, người Essene tiếp nhận cả người Do Thái lẫn dân ngoại như nhau, và cũng xem phụ nữ bình đẳng với nam giới, vì họ hiểu tầm quan trọng của phụ nữ như là kênh thể chất cho việc hạ sinh.

Là những người canh giữ bầu trời đêm và các chòm sao, người Essene hiểu rằng một kỷ nguyên chiêm tinh mới đang đến — Thời kỳ Song Ngư. Điều này có nghĩa có những biến chuyển trọng yếu trên đất liên quan đến mối tương quan của con người với Thượng đế. Thời kỳ Song Ngư biểu thị rằng Thượng đế sẽ vào thế gian và lưu cư giữa loài người. Các vì sao đã cho dấu, đặc biệt vị trí của Sao Bắc Cực. Người Essene biết Đấng Mê-sia sẽ đến và đã chủ động dọn đường từ khoảng ba trăm năm trước khi Đức Christ xuất hiện.

Đến thời điểm, các bậc niên trưởng Essene chọn mười hai thiếu nữ trẻ được chuẩn bị như các bình chứa tiềm năng cho việc Đấng Mê-sia giáng trần. Các thiếu nữ này được rèn luyện thân thể qua nhiều bài tập và hoạt động; họ được cung cấp thực phẩm lành mạnh và bị cấm uống rượu hay bất kỳ chất lên men nào. Họ được huấn luyện về các khái niệm liên quan đến thanh sạch, khiết trinh, tình thương và nhẫn nại. Điều thiết yếu là những trinh nữ trẻ này phải tuân theo các luật về thân và tâm để thân thể họ trở nên những đền thờ hoàn hảo cho sự nhập thể của Đức Christ. Việc huấn luyện mười hai trinh nữ kéo dài ba năm trước khi Đức Trinh Nữ Maria được chọn làm mẹ của Đức Christ.

Theo Cayce, dù người Essene đã chọn mười hai thiếu nữ làm các mẹ tiềm năng của Đức Christ, Đức Trinh Nữ Maria đã được kín

Mary was secretly chosen years ahead of time at the age of four to be the one who would bear the Messiah. Even though Mary was singled out years beforehand, the twelve girls as a group were still put through the process of attaining physical and mental perfection.

On the day Mary was chosen, it was a day of ritual worship. As the sun rose in the morning the twelve maidens made their way up the steps of the Essene temple towards the altar to engage in prayer. The delightful smell of incense filled the air. All the girls were clothed in purple and gold which made for a beautiful scene. As Mary reached the top step a flash of lightning and the sound of thunder filled the sky. Suddenly, the angel Gabriel appeared in the sky above. He reached down and took Mary by the hand and guided her up to the top step of the altar. This was how she was chosen; a clear indication that she would be the one who would give birth to the Messiah.

Four years after she was chosen, Mary was designated to be the wife of Joseph. Both Mary and Joseph were originally dedicated to the Essene community by their parents. When the time came the couple did not choose one another for marriage but instead were appointed to one another by the divine authorities of the Essene group. At the time of their marriage, Joseph was thirty-six years old while Mary was only sixteen. The couple was espoused at a ceremony in the land of Carmel.

In the New Testament after Mary is arranged to be the wife of Joseph, before they came together, she was found to be pregnant. Joseph thought she had been unfaithful and decides to divorce his wife in secret to avoid her being shamed, but before he can do so an angel appeared to Joseph in a dream telling him to take Mary as his wife and that the child was indeed from the Holy Spirit: "An angel of the Lord appeared to him in a

nhiệm chọn từ nhiều năm trước — từ lúc bốn tuổi — để là người sẽ cứu mang Đấng Mê-si-a. Dẫu Maria đã được chỉ định riêng từ nhiều năm trước, nhóm mười hai thiếu nữ vẫn được đưa qua tiến trình đạt đến sự hoàn thiện thân và tâm.

Ngày Maria được chọn là một ngày phụng tự nghi lễ. Khi mặt trời mọc buổi sáng, mười hai trinh nữ tiến lên các bậc thềm của đền Essene hướng về bàn thờ để cầu nguyện. Mùi hương trầm thơm ngát lan tỏa. Mọi thiếu nữ đều khoác phẩm phục màu tím và vàng tạo nên một quang cảnh tuyệt mỹ. Khi Maria tới bậc thềm trên cùng, một tia chớp và tiếng sấm vang rền trời cao. Bỗng thiên thần Gabriel hiện ra trên không. Ngài vươn xuống nâng tay Maria và dẫn nàng lên bậc cao nhất của bàn thờ. Đó là cách nàng được chọn; một chỉ dấu hiển nhiên rằng nàng sẽ là người hạ sinh Đấng Mê-si-a.

Bốn năm sau khi được chọn, Maria được chỉ định làm vợ Giuse. Cả Maria lẫn Giuse ban đầu đều được cha mẹ dâng hiến cho cộng đồng Essene. Đến thời, đôi bạn không tự chọn nhau làm hôn phối, mà được bổ nhiệm cho nhau bởi các thẩm quyền thiêng liêng của nhóm Essene. Lúc kết hôn, Giuse ba mươi sáu tuổi, còn Maria chỉ mười sáu. Lễ đính ước cử hành tại vùng Carmel.

Trong Tân Ước, sau khi Maria được sắp đặt làm vợ của Giuse, nhưng trước khi về cùng nhau, nàng đã mang thai. Giuse nghĩ nàng bất trung và quyết định âm thầm ly hôn để tránh cho nàng bị bêu xấu; nhưng trước khi làm vậy, một thiên thần hiện đến trong mộng báo Giuse nhận Maria làm vợ và rằng hài nhi quả là do Chúa Thánh Thần: "Thiên sứ của Chúa hiện đến cùng người trong giấc mơ mà rằng: 'Hỡi Giuse, con cháu Đavít, chớ

dream, saying, 'Joseph, son of David, do not fear to take Mary as your wife, for that which is conceived in her is from the Holy Spirit. She will bear a son, and you shall call his name Jesus, for he will save his people from their sins'" (Matt. 1:19-21).

sợ lấy Maria làm vợ; vì con trẻ mà người cưu mang là bởi Chúa Thánh Thần. Người sẽ sinh một con trai, người sẽ gọi tên là Jesus, vì chính Người sẽ cứu dân mình khỏi tội lỗi họ" (Mt. 1:19-21).

IV. THE IMMACULATE CONCEPTION—SỰ THỤ THAI VÔ NHIỄM

Critical scholars may say that from a historical standpoint the Immaculate Conception did not occur. Skeptics today refuse to accept the Immaculate Conception as a divine occurrence, and when considering the Immaculate Conception from a scientific angle it's hard to reconcile such an event without the inclusion of a male counterpart. Many people today think it's physically impossible and goes against the laws of nature, but as Cayce gave:

It's like many proclaiming today that the Master was immaculately conceived; they say "Impossible!" They say that it isn't in compliance with the natural law. It IS a natural law, as has been indicated by the projection of mind into matter... (5749-8)

... the immaculate conception, is a stumblingstone to many worldly-wise. (5749-15)

Cayce points out that a spiritual understanding of the Immaculate Conception is more important than a physical explanation for it; however, when questioned about the physical nature of the matter Cayce explained that the body of Jesus was made manifest in the womb of Mary by the *desire* of God. It was through God's divine mental powers that brought to the organs of a virgin the Messiah's body—this is representative of the projection of mind into matter. On a side note, Cayce says that the body of the priest Melchizedek was made manifest on the earth by God's desire alone; he did not have a body in the human sense as Jesus did.

The significance of the Immaculate Conception is that Jesus was born from a sinless vessel, Mary, which allowed Jesus to be completely human and completely pure

Các học giả phê bình có thể nói rằng xét về lịch sử, Sự Thụ Thai Vô Nhiễm đã không xảy ra. Những người hoài nghi ngày nay từ chối chấp nhận Sự Thụ Thai Vô Nhiễm như một biến cố thiêng liêng, và khi xét từ góc độ khoa học, thật khó hòa giải sự kiện như thế nếu không có sự tham gia của người nam. Nhiều người hôm nay cho rằng điều đó là bất khả về mặt thể lý và đi ngược lại các định luật của tự nhiên, nhưng như Cayce nói:

Giống như nhiều người hôm nay rao rằng Đấng Thầy được thụ thai một cách vô nhiễm; họ nói "Bất khả!" Họ nói điều đó không phù hợp với luật tự nhiên. Nó LÀ một luật tự nhiên, như đã được chỉ ra bởi sự phóng chiếu của thể trí vào chất liệu... (5749-8)

... sự thụ thai vô nhiễm là một hòn đá vấp phạm cho nhiều người khôn ngoan theo thể gian. (5749-15)

Cayce nhấn mạnh rằng hiểu biết mang tính tinh thần về Sự Thụ Thai Vô Nhiễm quan trọng hơn lời giải thích thể lý cho nó; tuy nhiên, khi được hỏi về bản chất thể lý của vấn đề, Cayce giải thích rằng thân thể của Đức Jesus đã được hiện hình trong dạ của Maria bởi *ý muốn* của Thượng đế. Chính qua năng quyền trí tuệ thiêng liêng của Thượng đế mà thân xác của Đấng Mêsia được mang đến cho cơ quan của một trinh nữ—điều này biểu thị sự phóng chiếu của thể trí vào chất liệu. Nhân tiện, Cayce nói rằng thân thể của tư tế Menkixêđéc được hiện hiện trên đất chỉ bằng *ý muốn* của Thượng đế; Ngài không có thân xác theo nghĩa loài người như Đức Jesus.

Ý nghĩa của Sự Thụ Thai Vô Nhiễm là Đức Jesus được sinh từ một bình sạch tội — Maria — điều cho phép Đức Jesus vừa hoàn toàn là người vừa hoàn toàn tinh tuyền. Về nguyên

at the same time. In theory, if Mary was indeed a sinless vessel then she herself must have been immaculately conceived, free from carnal impurity. It was necessary that Mary be completely clean so that Jesus was completely clean. The Book of Job says: “Who can bring a clean thing out of an unclean? There is not one” (14:4).

Cayce explains that Mary’s mother Ann was immaculately conceived by her mother, Mary’s grandmother. At the time when Mary’s grandmother claimed that Ann was immaculately conceived no one believed her. The idea of Ann being immaculately conceived was accepted as true doctrine within the early Roman Catholic Church. Cayce says that there have been other individuals throughout history who have been immaculately conceived, but not within Jewish history.

The miracle of the Immaculate Conception is something that must be looked at wholly from a spiritual angle. It is an example of the supreme power of God and His ability to bring about anything within the material world. When we accept the Immaculate Conception as a spiritual truth we come to understand that this event most certainly occurred within the context of history. Such an event was proof of the Messiah’s entrance into the world and the precursor to what became the cornerstone of the Christmas narrative, the Nativity.

tắc, nếu Maria thực sự là một bình sạch tội, thì chính thân mẫu của Maria cũng phải được thụ thai vô nhiễm, không vương ô uế xác thịt. Điều cần thiết là Maria hoàn toàn thanh sạch để Đức Jesus hoàn toàn thanh sạch. Sách Gióp nói: “Ai có thể khiến vật sạch ra từ vật ô uế? Không một ai” (14:4).

Cayce giải thích rằng mẹ của Maria, bà Ann, đã được thụ thai vô nhiễm bởi mẹ của bà — tức bà ngoại của Maria. Thời điểm bà ngoại của Maria khẳng định rằng Ann được thụ thai vô nhiễm, không ai tin. Ý tưởng Ann được thụ thai vô nhiễm đã được chấp nhận như giáo lý chân lý trong Giáo hội Công giáo sơ thời. Cayce nói đã có những cá nhân khác trong lịch sử được thụ thai vô nhiễm, nhưng không trong lịch sử Do Thái.

Phép lạ Sự Thụ Thai Vô Nhiễm phải được nhìn trọn vẹn dưới góc tinh thần. Đó là một minh chứng về quyền năng tối thượng của Thượng đế và Khả Năng của Ngài trong việc mang đến bất cứ điều gì trong thế giới vật chất. Khi chúng ta chấp nhận Sự Thụ Thai Vô Nhiễm như một chân lý tinh thần, chúng ta hiểu rằng biến cố này hẳn đã xảy ra trong bối cảnh lịch sử. Sự kiện ấy là bằng chứng về việc Đấng Mêsia giáng thế và là tiền đề cho điều trở thành nền tảng của trình thuật mùa Giáng Sinh, tức Giáng Sinh.

V. THE NATIVITY—GIÁNG SINH

There are several prophecies in the Old Testament which foretold the birth of Jesus. The prophet Isaiah predicted that the Messiah would be born of a virgin. The prophet Micah predicted that he would be born in Bethlehem. The Book of Hosea said that the Messiah would be called out of Egypt, giving reference to the account in the Gospel of Matthew (2:15).

In the Gospel of Luke, the Roman government orders that all the citizens of Judea travel to the place of their birth so that a population count can be taken for tax purposes. Joseph along with his pregnant companion Mary traveled among the crowds towards their destination. After walking for miles the day of travel was coming to an end and the people sought refuge for the night. Some had come upon an inn to stay at. Mary and Joseph also arrived at the inn but capacity was limited. People who saw the couple couldn't help but notice their difference in age and showed contempt towards them. Here was a man in his mid-thirties coupled together with a young teenager who was heavy with child, bound to soon give birth. When the people saw Mary and Joseph they laughed, becoming rude and mocking them. The owners of the inn chose not to accommodate the couple, for they feared the stigma that this story would create.

After being rejected at the inn, Mary and Joseph left. Although they faced disgrace from many, there were still those among them who believed the rumor of the young virgin who was chosen by the angel on the stairs of the Essene temple. People who knew the truth wanted to assist Mary. Thus Mary and Joseph were not alone in their dilemma of finding a place for Mary to give birth; many people aided the couple as they traveled along in their search for shelter.

Có nhiều lời tiên tri trong Cựu Ước báo trước sự giáng sinh của Đức Jesus. Ngôn sứ Isaia dự báo rằng Đấng Mêsia sẽ sinh bởi một trinh nữ. Ngôn sứ Mikha dự báo rằng Ngài sẽ sinh tại Bêlem. Sách Hôsê nói rằng Đấng Mêsia sẽ được gọi ra khỏi Ai Cập, ám chỉ câu chuyện trong Tin Mừng theo Mát-thêu (2:15).

Trong Tin Mừng Luca, chính quyền Rôma ra lệnh mọi dân Judea về nơi nguyên quán để kiểm tra dân số hòng thu thuế. Giuse cùng người phối ngẫu đang mang thai là Maria đi giữa đám đông đến đích của họ. Sau nhiều dặm đường, ngày đi gần hết và người người tìm chỗ trú đêm. Một số dừng lại ở một quán trọ. Maria và Giuse cũng đến đó, nhưng chỗ đã chật. Những ai thấy cặp vợ chồng không khỏi để ý sự chênh lệch tuổi tác và tỏ vẻ khinh miệt. Đây là một người đàn ông tuổi trung niên đi cùng một thiếu nữ đang nặng bụng, sắp sinh nở. Khi người ta thấy Maria và Giuse, họ bật cười, trở nên thô lỗ và nhạo báng. Chủ quán trọ chọn không tiếp đón đôi bạn, vì sợ vết nhơ câu chuyện này sẽ gây ra.

Bị từ chối nơi quán trọ, Maria và Giuse rời đi. Tuy họ chịu ô nhục bởi nhiều người, vẫn có những người tin lời đồn về trinh nữ trẻ được thiên sứ chọn trên bậc thềm đền Essene. Những người biết sự thật muốn giúp Maria. Vì thế, Maria và Giuse không đơn độc trong cơn khó tìm nơi để Maria sinh nở; nhiều người đã trợ giúp đôi bạn trong cuộc tìm kiếm chỗ trú.

The time was close to midnight as the group came upon a small stable among the pastures at twilight. The daughter of the innkeeper was the midwife who aided Mary in giving birth. After the birth of the infant Christ transpired the angels in the sky above sang in glorious joy as the star shone bright:

All were in awe as the brightness of His star appeared and shone, as the music of the spheres brought that joyful choir, "PEACE ON EARTH! GOOD WILL TO MEN OF GOOD FAITH." (5749-15)

Everyone in the surrounding area witnessed the star including the shepherds and the people at the inn where Mary and Joseph were denied residence. Some who saw the star did not recognize its significance, but there were others who saw and believed in this glorious moment. The radiance of the star and its vibrations could be felt by all onlookers.

In the Gospel of Matthew, after Jesus' birth the Three Wise Men come from the East to present gifts to the new Christ. There is little information about the Wise Men in scripture; who they were, what they knew, and where they came from specifically. We can assume they were educated and had a secret knowledge and most likely studied astrology since the scriptures tell us that they gained information from the stars (Matt. 2:2). The Wise Men understood the prophecies regarding the entrance of the Messiah into the world and they wanted to be the ones who fulfilled the prophecies. They were able to anticipate how this event would happen and what signs to follow. According to Cayce, they had psychic abilities which eventually led them to the location of the child (5749-7).

Cayce gave specific countries from which the Wise Men came. One of them was from Persia, another from India, and another was

Gần nửa đêm, cả nhóm tới một chuồng trại nhỏ nơi đồng nội vào lúc chạng vạng. Con gái chủ quán là bà đỡ giúp Maria sinh nở. Sau khi Hài Nhi Đức Christ chào đời, các thiên sứ trên trời cất tiếng ca mừng rỡ khi ngôi sao chiếu rọi:

Tất cả đều kinh hãi khi ánh sáng của Ngôi Sao của Ngài xuất hiện và chiếu rọi, khi âm nhạc của các thiên cầu mang đến hợp xướng hân hoan: "BÌNH AN DƯỚI THẾ! THIÊN CHỈ CHO NHỮNG AI CÓ ĐỨC TIN CHÂN CHÍNH." (5749-15)

Mọi người ở vùng lân cận đều nhìn thấy ngôi sao, gồm các mục đồng và người ở quán trọ nơi Maria và Giuse bị từ chối. Một số không nhận ra ý nghĩa của dấu lạ ấy, nhưng cũng có người nhìn thấy và tin vào khoảnh khắc huy hoàng này. Quang huy của ngôi sao và các rung động của nó có thể được mọi người quan sát cảm nhận.

Trong Tin Mừng theo Mát-thêu, sau khi Đức Jesus sinh, Ba Nhà Đạo Sĩ từ phương Đông đến dâng lễ vật cho Đức Christ Hài Nhi. Kinh Thánh kể rất ít về các Đạo Sĩ; họ là ai, biết gì và đến chính xác từ đâu. Ta có thể đoán họ là những người học rộng, có tri thức bí truyền và nhiều khả năng là học chiêm tinh, vì Kinh Thánh nói họ lấy thông tin từ các vì sao (Mt. 2:2). Các Đạo Sĩ hiểu các lời tiên tri liên quan đến việc Đấng Mêsia giáng thế và họ muốn là những người hoàn tất các lời ấy. Họ có thể dự liệu biến cố ấy sẽ diễn ra thế nào và theo dấu gì. Theo Cayce, họ có các khả năng thông linh, điều cuối cùng dẫn họ đến nơi Hài Nhi (5749-7).

Cayce nêu rõ các xứ sở mà các Hiền sĩ đến. Một vị đến từ Ba Tư, một vị khác từ Ấn Độ, và một vị nữa là người tìm đạo từ đất Ai Cập.

a seeker from the Egyptian land. In the Gospel of Matthew, the nativity story mentions that there were three Wise Men, but Cayce mentions a fourth and a fifth, and then a second group that arrived. They came from the Gobi Desert, Indonesia, and the ancient Middle Eastern land of Chaldea. The Wise Men brought gifts to the child as they deemed appropriate. One brought gold, another brought frankincense; a fragrance, and another brought myrrh which was a sacred oil used for healing. There have always been differing interpretations as to what these gifts represent but Cayce tells of the symbolism regarding these gifts. The three gifts represent man's three phases of development, or experience, in the material world. Gold signified materiality. Frankincense signified the ethereal, or the spiritual realm, and myrrh represented the healing forces that come to the mind, body and soul (5749-7).

At the time when Christ was born, King Herod was the king of Judea. Herod was cruel and power hungry and willing to stop at nothing to destroy anyone who might stand in his way of rule. When the Wise Men first arrived in Bethlehem they questioned the people of the land regarding the birthplace of the Messiah. When Herod got word that the King of the Jews had been born he set out to kill the child but before he could do so an angel appeared to Joseph and commanded him to take his wife and child and flee to Egypt and remain there until they were safe to return.

After Jesus' birth, a woman from the Essene community named Josie accompanied the family on their getaway to Egypt. Josie was appointed as the handmaiden to the trio. It was Josie's duty to make sure that the mother, the child, and Joseph were well taken care of during their trip.

When the time came to leave Bethlehem they departed at night and started their 400-

Trong Phúc Âm theo Matthew, câu chuyện Giáng sinh nói rằng có ba Hiền sĩ, nhưng Cayce lại nói đến người thứ tư và thứ năm, rồi một nhóm thứ hai đến sau. Họ đến từ sa mạc Gobi, Indonesia, và vùng Trung Đông cổ Chaldea. Các Hiền sĩ dâng lễ vật cho Hài Nhi theo điều họ xét là xứng hợp. Một vị dâng vàng, một vị dâng trầm hương; một hương liệu, và vị khác dâng một loại nhựa thơm gọi là mộc dược, vốn là thứ dầu thiêng dùng để chữa lành. Từ xưa vốn có nhiều lối giải thích khác nhau về ý nghĩa các lễ vật này, nhưng Cayce nói rõ biểu tượng liên hệ đến chúng. Ba lễ vật biểu trưng cho ba giai đoạn phát triển, hay kinh nghiệm, của con người trong thế giới vật chất. Vàng biểu thị vật chất. Trầm hương biểu thị cái phi vật chất, hay cõi tinh thần, và mộc dược biểu trưng cho các lực chữa lành đến với thể trí, thể xác và linh hồn (5749-7).

Vào thời Đức Christ giáng sinh, vua Hêrôđê là vua xứ Giuđê. Hêrôđê tàn bạo, khát quyền và sẵn sàng làm mọi điều để tiêu diệt bất cứ ai có thể cản trở y trong việc cai quản. Khi các Hiền sĩ đầu tiên đến Bêlem, họ hỏi dân trong vùng về nơi ra đời của Đấng Mêsia. Khi Hêrôđê nghe tin rằng "Vua dân Do Thái" đã sinh ra, y tìm cách giết Hài Nhi, nhưng trước khi y có thể làm điều đó, một thiên thần hiện ra với Giuse và truyền lệnh cho ông đem vợ và con trốn sang Ai Cập và ở lại đó cho đến khi an toàn để hồi hương.

Sau khi Đức Jesus chào đời, một người phụ nữ thuộc cộng đoàn Essene tên Josie đã tháp tùng gia đình trong cuộc lánh nạn sang Ai Cập. Josie được chỉ định làm thị nữ cho bộ ba. Bổn phận của Josie là bảo đảm người mẹ, Hài Nhi và Giuse được chăm sóc chu đáo suốt hành trình.

Đến lúc rời Bêlem, họ lên đường ban đêm và bắt đầu chuyến đi dài 400 dặm về phía nam

mile journey south to the Egyptian border. There were others who joined the group in their travels eastward, offering protection for the family. The group traveled mostly at night to avoid detection. Cayce says that after arriving in Egypt the family stayed there for four years, six months, and three days. They were stationed in the northern part of Egypt near Alexandria.

After the death of Herod, the group made their way back to Capernaum, north of the Sea of Galilee. During that time Josie oversaw all the household duties as well as the educational activities of the young Jesus. Cayce says that Jesus was essentially a normal child and that he developed normally. Growing up, Jesus was raised with love and cared for greatly, just as every child should be raised.

đến biên giới Ai Cập. Có những người khác nhập đoàn khi họ đi về hướng đông, để bảo vệ gia đình. Cả nhóm chủ yếu đi ban đêm để tránh bị phát hiện. Cayce nói rằng sau khi đến Ai Cập, gia đình ở đó bốn năm, sáu tháng và ba ngày. Họ trú tại miền bắc Ai Cập, gần Alexandria.

Sau khi Hêrôđê qua đời, cả nhóm quay về Caphácnaum, phía bắc Biển Galilê. Trong thời gian ấy, Josie trông coi mọi việc trong nhà cũng như các hoạt động giáo dục của Đức Jesus lúc nhỏ. Cayce nói rằng Đức Jesus về cơ bản là một đứa trẻ bình thường và phát triển bình thường. Lớn lên, Đức Jesus được nuôi dạy trong tình thương và được chăm sóc rất mực, như mọi trẻ thơ đều nên được nuôi dạy như thế.

VI. THE EARLY YEARS—NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỜI

The adolescent years of Jesus are something that has puzzled minds for centuries. The New Testament provides few details regarding his childhood. There exist gospels outside of the Bible, such as the Infancy Gospel of Thomas, which tells of a young Jesus making sparrows out of clay and at one point accidentally executing a playmate during a scuffle. Scholars assume these may have been forged manuscripts, an assumption that coincides with the Cayce readings (2067-7). Cayce mentions that genuine records of Jesus' early years once existed but that these records were destroyed in Alexandria. This was likely due to the large fire that was believed to have destroyed the great library two thousand years ago.

Once Cayce was asked whether or not Jesus was able to perform miracles as a child and he said that the young Jesus had possessed good luck, or "lucky chance." Jesus experienced favorable happenings and positive influences in his life as a boy, but only after the age of twelve did he start to develop the Christ-Consciousness.

Những năm thiếu niên của Đức Jesus là điều đã làm bối rối bao tâm trí qua nhiều thế kỷ. Tân Ước cung cấp rất ít chi tiết về tuổi thơ của Ngài. Có những phúc âm nằm ngoài Kinh Thánh, như Phúc Âm Tuổi Thơ của Thomas, kể chuyện cậu Jesus nặn chim sẻ bằng đất sét và có lúc vô tình làm một bạn chơi thiệt mạng trong một cuộc xô xát. Giới học giả cho rằng đó có thể là các bản thảo ngụy tác, một giả định phù hợp với các bài đọc của Cayce (2067-7). Cayce cho biết từng có những ghi chép xác thực về những năm đầu đời của Đức Jesus, nhưng các tài liệu ấy bị hủy ở Alexandria, rất có thể do trận hỏa hoạn lớn được cho là đã thiêu rụi thư viện vĩ đại cách đây hai ngàn năm.

Có lần người ta hỏi Cayce liệu Đức Jesus khi còn nhỏ có làm phép lạ không, và ông nói cậu Jesus có "vận may," hay "cơ may may mắn." Đức Jesus trải nghiệm những việc thuận lợi và các ảnh hưởng tốt đẹp trong đời sống thời niên thiếu, nhưng chỉ sau tuổi mười hai Ngài mới bắt đầu phát triển "tâm thức Đức Christ."

In scripture, the only reference to the young Jesus is in the Gospel of Luke when the twelve-year-old boy and his parents visit Jerusalem for the annual Passover. After the festival ends Jesus wanders off from his parents who search for him and eventually find him in the Jewish Temple conversing with the Rabbi; answering questions and displaying his intelligence. Following this account, we are not given any information regarding Jesus' learnings, his mentors, his travels or his pursuits. In scripture there is roughly a twenty-year gap from when Jesus was a boy in the Temple to the time he was baptized by John in the Jordan River, starting his ministry shortly after. Jesus had spent a considerable amount of time somewhere doing something.

Cayce says that when Jesus was around the age of twelve he underwent the guidance of Judy, a leader of the Essenes. While studying together in her home she taught him the prophecies. Jesus also had studied Mosaic Law. Judy prepared Jesus for his training in other lands which would include studies of astrology. Jesus was around the age of thirteen when he made his first venture to India to start his training. While in India, Jesus underwent the guidance of the teachers named Arcahia and Kahanji. Jesus received teachings on the cleansing of the body for physical and mental revitalization. Jesus remained in India from the age of thirteen to sixteen and then ventured to Persia where he would remain for one year under the guidance of a teacher named Junner. In Persia, Jesus studied the ancient teachings of Zu and Ra which centered on the concept of the "unison of forces" (5749-2). Jesus' last venture was to Egypt where the bulk of his training would take place. He was stationed in the town of Heliopolis where he studied at the school of the Essenes under a teacher named Zar. Jesus took examinations there and came to achieve his priesthood along with his cousin John the Baptist who

Trong Kinh Thánh, chỗ duy nhất nhắc đến Đức Jesus thời thơ ấu là trong Phúc Âm theo Luke, khi cậu bé mười hai tuổi và cha mẹ lên Giêrusalem dự Lễ Vượt Qua hằng năm. Sau khi lễ hội kết thúc, Đức Jesus tách khỏi cha mẹ; họ đi tìm Ngài và cuối cùng gặp Ngài trong Đền Thờ Do Thái đang chuyện trò với các Rabbi, trả lời câu hỏi và bày tỏ trí tuệ. Sau trình thuật này, chúng ta không được cung cấp thông tin nào về việc học của Đức Jesus, các vị thầy của Ngài, các chuyến đi hay các mối theo đuổi của Ngài. Trong Kinh Thánh, có khoảng trống chừng hai mươi năm từ khi Đức Jesus là cậu bé trong Đền Thờ cho đến lúc Ngài chịu phép rửa bởi John tại sông Jordan, rồi khởi sự sứ vụ ngay sau đó. Đức Jesus hẳn đã dành một thời gian đáng kể ở đâu đó để làm một điều gì đó.

Cayce nói rằng khi Đức Jesus khoảng mười hai tuổi, Ngài được Judy, một lãnh đạo của Essene, hướng dẫn. Khi cùng học trong nhà bà, bà dạy Ngài các lời tiên báo. Đức Jesus cũng đã học Lễ Luật Môsê. Judy chuẩn bị cho Đức Jesus bước vào sự huấn luyện ở các xứ khác, bao gồm học chiêm tinh. Đức Jesus khoảng mười ba tuổi khi lần đầu tiên đi Ấn Độ để khởi đầu việc đào luyện. Ở Ấn Độ, Đức Jesus được các vị thầy tên Arcahia và Kahanji chỉ dạy. Đức Jesus nhận các giáo huấn về thanh lọc thân thể để phục hồi sức lực thể xác và trí tuệ. Đức Jesus ở Ấn Độ từ tuổi mười ba đến mười sáu, rồi đi Ba Tư và lưu lại một năm dưới sự hướng dẫn của một vị thầy tên Junner. Ở Ba Tư, Đức Jesus học các giáo pháp cổ của Zu và Ra, xoay quanh khái niệm "hợp nhất các lực" (5749-2). Chuyến đi sau cùng của Ngài là đến Ai Cập, nơi phần chính của sự huấn luyện sẽ diễn ra. Ngài được đặt tại thành Heliopolis, học ở trường của Essene dưới một vị thầy tên Zar. Đức Jesus dự các kỳ khảo thí tại đó và đạt tới hàng tư tế, cùng với người anh em họ là John Tẩy Giả đang ở một lớp học riêng gần đó. Sau thời gian học ở Ai Cập, Đức Jesus và John trở về Israel, nơi sứ vụ của Đức Jesus sắp khởi đầu.

was in a separate classroom nearby. Following their studies in Egypt, Jesus and John returned to Israel where Jesus' ministry would soon begin.

VII. JESUS' MINISTRY—SỨ VỤ CỦA ĐỨC JESUS

In the Gospel of John, Jesus makes his first appearance by the Jordan River where he arrives to be baptized by his cousin John. Following this account Jesus heads into the wilderness where he is tempted by the Devil. After overcoming the Devil's temptations, Jesus returned to the land of Capernaum and preached his gospel among the people where his message was clear: "The time is fulfilled, and the kingdom of God is at hand; repent and believe in the gospel" (Mark 1:15).

When one thinks of the "gospel" many things may come to heart. It is the good news that the Savior has come. It is the Word of the Lord to be spread among nations and inspire belief among those who would accept it. The gospel is most notably the belief in Christ, his ministry, his death, and his resurrection. For the Apostle Paul, the death and resurrection of Christ are the center of the gospel.

It is vital that the gospel resides in the heart of the believer and that the message of the gospel be glorified through the words and actions of those who would deliver it. The message of Christ is the greatest news among men, and only by living by the gospel each day may we find that peace and joy that comes in doing such. As a parallel to scripture, Cayce explains that the gospel is to love the Lord your God with all your heart, with all your soul, and with all your mind. It is to love one another, just as Jesus loves all. It is to live a joyous life; a glad life. The gospel is to do unto others as you would have others do unto you. By living by these principles God's glory can be made manifest in those who abide.

Miracles

In the Gospel of Mark, after Jesus calls his disciples to follow him they head to Capernaum and Jesus arrives in grandeur,

Trong Phúc Âm theo John, Đức Jesus lần đầu xuất hiện bên sông Jordan để chịu phép rửa bởi người anh họ John. Sau trình thuật đó, Đức Jesus vào hoang địa và bị Ma Quỷ cám dỗ. Vượt thắng các cám dỗ, Đức Jesus trở về vùng Caphácnaum và rao giảng phúc âm giữa dân chúng, với sứ điệp rõ ràng: "Thời kỳ đã mãn, và Thiên Giới đã đến gần; hãy sám hối và tin vào phúc âm" (Mark 1:15).

Khi nghĩ đến "phúc âm," trong lòng có thể khởi lên nhiều điều. Ấy là tin mừng rằng Đấng Cứu Rỗi đã đến. Ấy là Linh từ của Chúa phải được truyền rao giữa muôn dân và khơi dậy đức tin nơi những ai sẽ đón nhận. Phúc âm, nổi bật nhất, là niềm tin nơi Đức Christ, sứ vụ của Ngài, cái chết và sự phục sinh của Ngài. Đối với Tông đồ Phao-lô, cái chết và sự phục sinh của Đức Christ là trung tâm của phúc âm.

Điều hệ trọng là phúc âm ngự trong trái tim người tin, và sứ điệp của phúc âm được tôn vinh qua lời nói và hành động của những ai truyền đạt nó. Sứ điệp của Đức Christ là tin mừng lớn nhất giữa loài người, và chỉ bằng cách sống theo phúc âm mỗi ngày chúng ta mới tìm thấy bình an và hoan lạc đến từ việc ấy. Song song với Kinh Thánh, Cayce giải thích rằng phúc âm là yêu mến Chúa là Thượng đế của người hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn. Là yêu thương nhau, như Đức Jesus yêu thương hết thảy. Là sống một đời an vui; một đời hoan hỷ. Phúc âm là làm cho người khác điều mình muốn họ làm cho mình. Bằng cách sống theo những nguyên tắc này, vinh quang của Thượng đế có thể được biểu hiện nơi những ai vâng giữ.

Phép Lạ

Trong Phúc Âm theo Mark, sau khi Đức Jesus gọi các môn đệ theo Ngài, họ lên đường đến Caphácnaum và Đức Jesus đến nơi trong sự

preaching his word with authority and performing astonishing acts. The people of Capernaum have no idea who Jesus is even though he performs great miracles, but only the demons recognize who Jesus is when they say: "What have you to do with us, Jesus of Nazareth? Have you come to destroy us? I know who you are—the Holy One of God" (Mark 1:24).

Jesus had no discretion about performing grand miracles to prove who he was, and as a result, multitudes of people flocked to him and followed him. The crowds were massive and Jesus was at the center of it all. At one point there were five thousand or more people walking with him. Every individual who had a physical affliction pushed their way forward so that they could see or even touch the Messiah. Sometimes Jesus sought secluded places so that the crowds wouldn't become overwhelming, but still people found him wherever he went. The miracles of Jesus were something that people had never seen before; an amazement that sparked awe and reverence. His miracles proved that he was indeed the Son of God.

In the Gospel of John, the first miracle Jesus performs is at the wedding in Cana when he turns water into wine. When the guests of the wedding ran out of drink, Jesus' mother came to her son requesting that he do something about the dilemma. Jesus was unenthusiastic about performing the act but he went ahead and did so. He ordered the servants of the wedding to fill six stone jugs of water (over one hundred gallons) and then bring them to him so that he could produce wine, which he did:

... when water saw its Master, [it] blushed and became wine even by activity! Remember, only as it was poured out would it become wine. Had it remained still, no wine would have filled those conditions. (3361-1)

uy nghi, rao giảng Linh từ với thẩm quyền và làm những việc lạ lùng. Dân Caphácnaum không biết Đức Jesus là ai, dù Ngài làm những phép lạ lớn lao, nhưng chỉ có các quỷ dữ nhận ra Ngài khi chúng nói: "Hỡi Jesus người Nazareth, Ngài với chúng tôi có chuyện gì? Ngài đến để hủy diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai—Đấng Thánh của Thượng đế" (Mark 1:24).

Đức Jesus không ngại chuyện dùng những phép lạ lớn lao để chứng tỏ Ngài là ai, và kết quả là đám đông tuôn đến và theo Ngài. Đám đông thật khổng lồ và Đức Jesus ở tâm điểm tất cả. Có lúc có năm ngàn người, hoặc hơn, đi theo Ngài. Mọi người có bệnh tật thể xác đều chen lấn tiến lên để có thể thấy, hoặc thậm chí chạm được vào Đấng Mêsia. Đôi khi Đức Jesus tìm nơi thanh vắng để đám đông khỏi trở nên quá tải, nhưng người ta vẫn tìm ra Ngài bất cứ nơi nào Ngài đến. Các phép lạ của Đức Jesus là điều người ta chưa từng thấy; một sự kỳ diệu khơi dậy nỗi kính sợ và tôn nghiêm. Các phép lạ của Ngài chứng thực rằng Ngài đích thực là Con của Thượng đế.

Trong Phúc Âm theo John, phép lạ đầu tiên Đức Jesus thực hiện là tại tiệc cưới ở Cana khi Ngài biến nước thành rượu. Khi khách dự tiệc cạn rượu, mẹ của Đức Jesus đến xin con mình làm điều gì đó để xử lý khó khăn. Đức Jesus không mấy hứng thú làm việc ấy, nhưng rồi Ngài vẫn làm. Ngài bảo các gia nhân đổ đầy sáu chum đá bằng nước (hơn một trăm ga-lông), rồi đem đến cho Ngài để Ngài hóa thành rượu, và Ngài đã làm thế:

... khi nước thấy Chủ của mình, [nó] thẹn thùng và trở nên rượu ngay bằng hoạt động! Hãy nhớ, chỉ khi được rót ra nó mới trở thành rượu. Nếu nó cứ bất động, đã chẳng có giọt rượu nào thành tựu các điều kiện ấy. (3361-1)

As for a physical explanation regarding the healings, Jesus sometimes used the elements of the earth as a catalyst for physical healing. When Jesus went to heal a blind man he: “spit on the ground and made mud with the saliva. Then he anointed the man’s eyes with the mud” (John 9:6). After the man washed his face with water from the river he was able to see. Cayce says that certain elements of the earth had physical properties about them that Jesus could use to create vibrations that healed the sick (137-129).

Not only did Jesus heal the sick but he walked on water; he collected 153 fish into his net by command. He calmed a storm and raised three people from the dead. Many people who witnessed Jesus’ acts believed them to be genuine; however, there were still those who didn’t believe—the Pharisees and the Sadducees. The Jewish priests acknowledged Jesus’ miracles but they thought he was possessed by a demon. In their hearts they were jealous of Jesus and the crowds he attracted because they were supposed to be the superior religious figures in the community. Even with the undeniable evidence of Jesus’ miracles, there will always be those who are doubters due to their hardened hearts.

Physical Descriptions

Nowhere in the New Testament is there a physical description of Jesus. The Gospel of Luke says that when Jesus began his ministry he was about thirty years of age. The common assumption is that Jesus looked like the average first-century Palestinian Jewish man, having olive-colored skin, dark-brown to blackish hair, and probably a beard since the Book of Leviticus orders Jewish men not to mar the edges of their beard (19:27). Also, Jesus was a carpenter who partook in manual labor so he probably wasn’t frail. His physical might can be seen in the Gospel of Matthew when

Về lời giải thích theo phương diện thể chất liên quan đến việc chữa lành, đôi khi Đức Jesus dùng các yếu tố của đất như một chất xúc tác cho sự chữa lành thể xác. Khi Đức Jesus đến để chữa một người mù, Ngài “nhổ xuống đất, trộn nước bọt thành bùn, rồi xúc lên mắt người ấy” (John 9:6). Sau khi người đó rửa mặt bằng nước sông, anh ta nhìn thấy được. Cayce nói rằng những yếu tố nhất định của đất có các thuộc tính thể chất mà Đức Jesus có thể dùng để tạo ra các rung động chữa lành người bệnh (137-129).

Không chỉ chữa lành kẻ ốm đau, Đức Jesus còn đi trên mặt nước; Ngài gom 153 con cá vào lưới bằng một mệnh lệnh. Ngài làm dịu một cơn bão và khiến ba người từ cõi chết sống lại. Nhiều người chứng kiến các việc Ngài làm tin rằng chúng là chân thực; tuy nhiên, vẫn có những người không tin—như các Phariseu và Sadốc. Các tư tế Do Thái thừa nhận các phép lạ của Đức Jesus, nhưng họ cho rằng Ngài bị quỷ ám. Trong lòng họ ghen tị với Đức Jesus và đám đông vây quanh Ngài vì lẽ ra họ mới là những nhân vật tôn giáo thượng hạng trong cộng đồng. Dẫu có những bằng chứng không thể chối cãi về các phép lạ của Đức Jesus, thì vẫn luôn có những kẻ hoài nghi vì lòng họ chai đá.

Mô tả Thể chất

Không nơi nào trong Tân Ước có mô tả thể chất của Đức Jesus. Phúc Âm theo Luke nói rằng khi Đức Jesus khởi sự sứ vụ, Ngài khoảng ba mươi tuổi. Giả định chung là Đức Jesus có vẻ ngoài giống người đàn ông Do Thái Palestine thế kỷ thứ nhất trung bình, da màu ô-liu, tóc nâu sẫm đến gần đen, và có lẽ để râu vì sách Lêvi truyền người Do Thái không được phạm đến mép râu của mình (19:27). Hơn nữa, Đức Jesus là một thợ mộc, làm lao động chân tay, nên có lẽ Ngài không yếu ớt. Sức mạnh thể chất của Ngài có thể được thấy trong Phúc Âm theo Matthew khi Ngài xông vào Đền Thờ Do Thái và vì thịnh

he storms into the Jewish Temple and out of anger overturns the tables and chairs of the money changers (Matt. 21:12).

So what did Cayce have to say about the appearance of Jesus? Luckily we have some commentary catalogued by the Sleeping Prophet. In giving a past life reading for a 34-year-old Protestant housewife Edgar included a physical description of Jesus:

... a vision of the Master as might be put on canvas if the entity were to attempt to do so [would] be entirely different from all these which have been depicted of the face, the body, the eyes, the cut of the chin and the lack entirely of the Jewish or Aryan profile. For these were clear, clean, ruddy, hair almost like that of David, a golden brown, yellow-red, but blue eyes which were piercing; and the beard, not cut, but kept in the proportion at the contour of the face, and the head was almost perfect. (5354-1)

The Master's hair is 'most red, inclined to be curly in portions, yet not feminine or weak - STRONG, with heavy piercing eyes that are blue or steel-gray. His weight would be at least a hundred and seventy pounds. Long tapering fingers, nails well kept. Long nail, though, on the left little finger. (5749-1)

In some ways, Cayce's physical description of Christ corresponds to common portrayals of him. Cayce notes that Jesus had sharp blue eyes and that his hair was light and wavy, and somewhat red; traits that have been seen in artistic renderings of Jesus throughout the centuries. Cayce mentions that the head of Jesus was "almost perfect." As mentioned previously, the Essenes studied phrenology, which deals with the analysis of the skull. Perhaps Jesus' near-perfect head shape was an indication of his divinity. Oddly enough, Cayce mentions that Jesus' nail on his left little finger was longer than the others. This may be an

nội đã lật đổ bàn ghế của bọn đổi tiền (Matt. 21:12).

Vậy Cayce nói gì về dung mạo của Đức Jesus? May thay chúng ta có vài lời bình được "Vị Tiên tri Ngủ" ghi chép. Khi thực hiện một bài đọc tiền kiếp cho một bà nội trợ Tin Lành 34 tuổi, Edgar đã mô tả thể tướng của Đức Jesus:

... một thị kiến về Vị Thầy mà thực thể có thể phác họa trên toan vẽ nếu thực thể cố làm như vậy [sẽ] hoàn toàn khác với tất cả những gì từng được vẽ về gương mặt, thân mình, đôi mắt, đường cắt của cằm và hoàn toàn không có sống mũi kiểu Do Thái hay Arya. Vì diện mạo ấy sáng sủa, thanh khiết, hồng hào; tóc hầu như như của David, nâu vàng, vàng-đỏ, nhưng đôi mắt xanh xuyên thấu; và bộ râu không cạo tỉa, nhưng được giữ tỉ lệ theo đường viền khuôn mặt, và cái đầu gần như hoàn hảo. (5354-1)

Tóc của Vị Thầy "rất đỏ, hơi quăn ở vài phần, nhưng không nữ tính hay yếu đuối—MẠNH MẼ, với đôi mắt xanh hoặc xám thép xuyên thấu. Cân nặng ít nhất cũng một trăm bảy mươi pao. Ngón tay thon dài, móng tay được chăm sóc tốt. Riêng móng tay út bên trái thì dài." (5749-1)

Ở vài phương diện, mô tả thể chất của Đức Christ bởi Cayce tương ứng với những họa hình quen thuộc về Ngài. Cayce ghi rằng Đức Jesus có đôi mắt xanh sắc và tóc sáng màu, gọn sóng, đôi phần đỏ; những nét thường thấy trong các bức họa về Đức Jesus qua nhiều thế kỷ. Cayce nói rằng chiếc đầu của Đức Jesus "gần như hoàn hảo." Như đã nhắc, Essene có học về sọ tướng học, vốn khảo sát sọ đầu. Có lẽ hình dạng đầu gần hoàn hảo của Đức Jesus là dấu chỉ thiên tính của Ngài. Lại nữa, Cayce nói móng tay út bên trái của Đức Jesus dài hơn các móng khác. Dù nghe lạ, điều này cho thấy độ chi tiết trong các phác họa của Cayce. Cayce nói rằng dung mạo của

unusual statement, but this demonstrates the detail of Cayce's characterizations. Cayce says that the appearance of Jesus is "entirely different" from what has been shown in past depictions of him, therefore, we are left to wonder what the real face of the Master looked like.

Trial and Crucifixion

When Jesus came to Galilee claiming to be the Son of God the Jews saw him as a liar and as a threat. To the Jews, he was a false Messiah, just like other false Messiahs before him. Jesus caused chaos in the Temple courts when he disrupted the business dealings of the Jews. He healed people on the Sabbath which went against Jewish law. He threatened to destroy the sacred Jewish Temple which was punishable by death. Jesus was perceived as a rebel and the Jews wanted to eradicate him.

After Jesus' joyous Last Supper with his disciples, he heads to the Garden of Gethsemane where he is eventually captured by the Jews. According to Cayce, after Jesus' arrest, his followers came to lose hope in their leader and disregard his prominence (5749-10).

The Jews wanted Jesus dead but they couldn't execute anyone, only the Romans could so Jesus had to be handed over to the Romans. The Jews had to present valid charges against Jesus to the Roman government to carry out an execution. Those charges were: causing a rebellion and convincing the people not to pay taxes.

According to the gospels, when Jesus is brought before Pontius Pilate, Pilate seems indecisive and almost apprehensive about putting Christ to death. He interrogates Jesus but finds no fault in him. The Jews insist that Jesus be crucified and Pilate finally gives in to their request. After Jesus is handed over to the Roman soldiers he is

Đức Jesus "hoàn toàn khác" với những gì từng được mô tả trước đây về Ngài, vì thế chúng ta vẫn phải tự hỏi gương mặt thật của Vị Thầy là thế nào.

Phiên Xét Xử và Đóng Đinh

Khi Đức Jesus đến Galilê và tự xưng là Con của Thượng đế, người Do Thái xem Ngài là kẻ nói dối và là mối đe dọa. Với họ, Ngài là một Mêsia giả, như những Mêsia giả trước đó. Đức Jesus đã gây náo động nơi Đền Thờ khi Ngài phá vỡ chuyện làm ăn của người Do Thái. Ngài chữa lành vào ngày Sa-bát, điều đi ngược Luật Do Thái. Ngài đe dọa phá hủy Đền Thờ thiêng liêng của người Do Thái, việc có thể bị xử tử. Đức Jesus bị nhận định là kẻ nổi loạn và người Do Thái muốn diệt trừ Ngài.

Sau bữa Tiệc Ly hoan hỷ với các môn đệ, Đức Jesus đến Vườn Ghết-sê-ma-ni, nơi Ngài rốt cuộc bị người Do Thái bắt giữ. Theo Cayce, sau khi Đức Jesus bị bắt, những người theo Ngài đánh mất hy vọng nơi vị lãnh đạo của họ và xem nhẹ tầm vóc của Ngài (5749-10).

Người Do Thái muốn Đức Jesus phải chết, nhưng họ không được phép hành quyết ai; chỉ người La Mã có quyền, nên Đức Jesus phải bị giao cho người La Mã. Người Do Thái phải đưa ra những cáo buộc hợp lệ chống lại Đức Jesus để chính quyền La Mã thi hành án tử. Những cáo buộc ấy là: kích động nổi loạn và xúi giục dân không nộp thuế.

Theo các phúc âm, khi Đức Jesus bị đưa đến trước tổng trấn Pontius Pilate, Pilate tỏ ra do dự và gần như e dè khi kết án tử Đức Christ. Ông thẩm vấn Đức Jesus nhưng không thấy lỗi nơi Ngài. Người Do Thái nằng nặc đòi đóng đinh Đức Jesus và Pilate rốt cuộc chiều theo yêu sách của họ. Khi Đức Jesus bị trao cho lính La Mã, Ngài bị đánh đập, nhục mạ và

beaten, ridiculed, and belittled. Afterwards, he is forced to carry his cross to the place of Golgotha where he is crucified between two thieves. While hanging on the cross Jesus' followers watched on with mourning. Cayce says that there were several women and many others of his own household who witnessed his execution. Mary Magdalene was there. Also present was the mother of James and the mother of John (5749-10).

Jesus is given his last drink as a Roman soldier holds a sponge soaked with wine vinegar to his mouth. Jesus takes his last breath before his spirit is given up. Jesus' plan had been carried out and his mission was complete, as he said himself: "It is finished" (John 19:30).

In those periods of transition from "It is finished," comes that which is to each heart the determination that it, too, may know the blessed hope that comes in seeing, knowing, experiencing the Cross in the heart, the body, the mind. (5749-10)

miệt thị. Sau đó, Ngài bị buộc phải vác thập giá đến nơi gọi là Gônggôtha, nơi Ngài bị đóng đinh giữa hai tên trộm. Khi treo trên thập giá, những người theo Ngài đứng nhìn trong tang tóc. Cayce nói rằng có nhiều phụ nữ và nhiều người thân thuộc trong nhà của Ngài chứng kiến cuộc hành hình. Maria Mađalêna có mặt. Cũng có mẹ của James và mẹ của John (5749-10).

Đức Jesus được cho uống lần cuối khi một lính La Mã đưa miếng bọt biển thấm giấm rượu lên miệng Ngài. Đức Jesus trút hơi thở cuối trước khi trao phó linh khí. Kế hoạch của Đức Jesus đã hoàn tất và sứ mạng của Ngài đã thành, như chính Ngài phán: "Mọi sự đã hoàn tất" (John 19:30).

Trong những thời khắc chuyển tiếp từ "Mọi sự đã hoàn tất," đến với mỗi trái tim là sự quyết chí rằng chính nó cũng có thể biết niềm hy vọng phúc lành đến trong việc thấy, biết, trải nghiệm Thập Giá trong trái tim, thân xác, và thể trí. (5749-10)

VIII. THE RESURRECTION—SỰ PHỤC SINH

People claiming to see Jesus after he was crucified was central in the development of Christianity. If people hadn't claimed they saw Jesus after he died then Christianity likely wouldn't exist. This is because the Christian faith is founded on the idea that Jesus rose from the dead. In 1st Corinthians, Paul submits: "And if Christ has not been raised, then our preaching is in vain and your faith is in vain" (15:14). The entire Christian faith hinges on the belief that Jesus' physical body rose from the dead and that it was glorified by the Father. If Jesus hadn't been raised from the dead then his entire ministry would have been for nothing.

The first person to see Jesus after he rose from the dead was Mary Magdalene. While crying near the tomb where Jesus was laid, Mary sees Jesus and goes to grab him but he orders her not to touch him since he has not yet ascended to the Father. Apparently, Jesus' glorified body had an electrified power within the physical plane:

(Q) Why did Jesus say, "Touch me not," when He first appeared to Mary after the resurrection? (A) For the vibrations to which the glorified body was raised would have been the same as a physical body touching a high power current. Why do you say not touch the wire? (262-87)

The Apostle Paul seems to think that after Jesus died a metamorphosis occurred and that Jesus' body was transformed into what he calls a "life-giving spirit." Jesus inherited a new spiritual body that could exist in the Kingdom of God where flesh and blood cannot enter.

Although Jesus inherited a new spiritual body his body was still of a physical nature. When Jesus appeared to his followers he made it clear that his body was indeed real;

Việc có người quả quyết đã thấy Đức Jesus sau khi Ngài bị đóng đinh là điều then chốt cho sự hình thành của Kitô giáo. Nếu không có ai tuyên xưng đã thấy Đức Jesus sau khi Ngài qua đời, rất có thể Kitô giáo đã không tồn tại. Bởi đức tin Kitô giáo đặt nền trên ý niệm rằng Đức Jesus đã từ cõi chết sống lại. Trong thư 1 Côrintô, Phao-lô khẳng định: "Nếu Đức Christ đã không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi là vô ích, và đức tin của anh em cũng vô ích" (15:14). Toàn bộ đức tin Kitô giáo đặt trên niềm tin rằng thân xác của Đức Jesus đã sống lại từ cõi chết và được Chúa Cha vinh hiển hóa. Nếu Đức Jesus đã không sống lại, thì toàn bộ sứ vụ của Ngài hẳn là vô nghĩa.

Người đầu tiên thấy Đức Jesus sau khi Ngài sống lại là Maria Mađalêna. Khi đang khóc gần mộ phần nơi Đức Jesus được an táng, Maria thấy Đức Jesus và chạy đến ôm Ngài, nhưng Ngài bảo đừng chạm vào Ngài vì Ngài chưa lên cùng Chúa Cha. Rõ ràng thân thể vinh hiển của Đức Jesus có một quyền năng như điện trong cõi hồng trần:

(H) Vì sao Đức Jesus nói, "Chớ chạm đến Ta," khi Ngài trước hết hiện ra với Maria sau khi phục sinh? (Đ) Vì các rung động mà thân thể vinh hiển được nâng lên sẽ giống như một thân thể vật chất chạm vào dòng điện cao thế. Tại sao các người nói đừng chạm vào dây điện? (262-87)

Tông đồ Phao-lô dường như nghĩ rằng sau khi Đức Jesus qua đời đã có một cuộc biến hóa, và thân thể Ngài được chuyển thành điều ông gọi là "Thần Khí ban sự sống." Đức Jesus nhận một thân thể tinh thần mới có thể hiện hữu trong Thiên Giới, nơi xác thịt và huyết nhục không thể vào.

Dẫu Đức Jesus nhận một thân thể tinh thần mới, thân thể ấy vẫn mang tính thể lý. Khi Đức Jesus hiện ra với những người theo Ngài, Ngài làm rõ rằng thân thể Ngài thực sự là

he wasn't a ghost or an apparition. In the Gospel of Luke, Jesus proves that his carnal body most certainly rose from the dead: "And he said to them, 'Why are you troubled, and why do doubts arise in your hearts? See my hands and my feet, that it is I myself. Touch me, and see. For a spirit does not have flesh and bones as you see that I have'" (Luke 24:38-39).

When discussing Jesus' new spiritual body Cayce says that it was not a transmutation (changing from one form to another) but rather a re-creation of the cells and the atoms in his body. After Jesus was raised from the dead it took some time before his body made the total transformation to his resurrected, glorified body. Jesus had several meetings with the disciples before allowing them to touch his body, confirming he was real:

... when there had been the first, second, third, fourth and even the sixth meeting - He THEN said: "Put forth thy hand and touch the nail prints in my hands, in my feet. Thrust thy hand into my side and BELIEVE." This indicated the transformation. (2533-8)

Following his appearance to the disciples, Jesus appeared to more than five hundred people. Later on, he appeared to the Apostle Paul. During Paul's time of writing his letter to the Corinthians, he tells the church that there are still people alive who have witnessed the risen Jesus.

The concept of the resurrection of Jesus' body is what defines Christianity, and if Jesus had not been raised then he wouldn't have come to be worshiped as the Son of God or as the Savior of the World. It is thought the belief in his resurrection that a person's Christian faith is justified.

thật; Ngài không phải là ma quỷ hay ảo ảnh. Trong Phúc Âm theo Luke, Đức Jesus chứng thực rằng thân xác bằng xương thịt của Ngài đích thực đã sống lại: "Ngài bảo họ: 'Sao các người bối rối, và vì sao nghi ngờ nổi lên trong lòng các người? Hãy xem tay và chân Ta, chính là Ta đây. Hãy sờ Ta và xem. Vì một thần linh thì không có thịt và xương như các người thấy Ta có'" (Luke 24:38-39).

Khi bàn về thân thể tinh thần mới của Đức Jesus, Cayce nói rằng đó không phải là sự chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, mà là một sự tái tạo các tế bào và nguyên tử trong thân thể Ngài. Sau khi Đức Jesus sống lại, cần một thời gian trước khi thân thể Ngài hoàn tất sự chuyển đổi thành thân thể phục sinh, vinh hiển. Đức Jesus đã có nhiều lần gặp các môn đệ trước khi cho phép họ chạm vào thân Ngài, như một xác nhận Người là thật:

... khi đã có cuộc gặp thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư và thậm chí thứ sáu—Bấy GIỜ Ngài mới nói: "Hãy đưa tay con và chạm vào dấu đinh nơi tay Ta, nơi chân Ta. Hãy thọc tay con vào cạnh sườn Ta và HÃY TIN." Điều này cho thấy sự chuyển dạng đã hoàn tất. (2533-8)

Sau khi hiện ra với các môn đệ, Đức Jesus hiện ra với hơn năm trăm người. Về sau, Ngài hiện ra với Tông đồ Phao-lô. Khi Phao-lô viết thư cho tín hữu Côrintô, ông nói rằng vẫn còn những người đang sống đã chứng kiến Đức Jesus phục sinh.

Ý niệm về sự phục sinh của thân thể Đức Jesus là điều xác định bản chất của Kitô giáo, và nếu Đức Jesus đã không sống lại thì Ngài đã không được thờ phượng như Con của Thượng đế hay là Đấng Cứu Rỗi của Thế Gian. Chính nhờ niềm tin vào sự phục sinh của Ngài mà đức tin Kitô hữu của một người được minh chứng là chính đáng.

IX. REINCARNATION AND CHRISTIANITY—LUÂN HỒI VÀ KITÔ GIÁO

It is common knowledge that reincarnation is not a new belief but stretches back to the earliest tenets of history having its inception in ancient Eastern religions like Hinduism, Buddhism, and even early Judaism. Although you will not find direct references of reincarnation in the Torah or the rest of the Old Testament, the concept of reincarnation can be seen in ancient Jewish texts such as the Zohar. Even Jews and rabbis of the modern era will give credence to the doctrine of reincarnation. Reincarnation was taught by the Jews of the Essene community, the group Jesus had been raised in; therefore, it's likely that Jesus accepted the doctrine of reincarnation. If the belief in reincarnation was so prevalent in Jesus' time then why the split when it comes to modern-day Christianity?

In modern American Christian churches, the concept of reincarnation is not discussed. You will not hear a pastor refer to a person's "past life." It is the general consensus of conservative Christians that people are to live once and die once. The Book of Hebrews tells us: "And just as it is appointed for man to die once, and after that comes judgment" (9:27). This passage in the Book of Hebrews may seem pretty straightforward but it overshadows a great deal of allusion to reincarnation in the Bible. To quote the conscious Cayce himself: "I can read reincarnation into the Bible—and you can read it right out again!"

There are several underlying references to reincarnation in the New Testament and one of the more suggestive examples is in the Gospel of Matthew: "For all the Prophets and the Law prophesied until John, and if you are willing to accept it, he is Elijah who is to come" (11:13-14). It appears that Jesus is referring to Elijah reincarnated as John the

Ai cũng biết rằng luân hồi không phải một tín lý mới mà trái ngược về những nguyên lý sớm nhất của lịch sử, khởi nguyên trong các tôn giáo phương Đông cổ, như Ấn Độ giáo, Phật giáo, và ngay cả Do Thái giáo buổi đầu. Dù quý vị không tìm thấy dẫn chiếu trực tiếp về luân hồi trong Torah hay phần còn lại của Cựu Ước, khái niệm luân hồi có thể thấy trong các văn bản Do Thái cổ như Zohar. Ngay cả người Do Thái và các Rabbi thời hiện đại cũng nhìn nhận giáo lý luân hồi. Luân hồi được dạy bởi người Do Thái thuộc cộng đoàn Essene, nhóm mà Đức Jesus đã được nuôi dưỡng trong đó; do vậy, có khả năng Đức Jesus chấp nhận giáo lý luân hồi. Nếu niềm tin vào luân hồi phổ biến đến thế vào thời Đức Jesus, vậy vì sao lại có sự chia rẽ trong Kitô giáo thời nay?

Trong các nhà thờ Kitô giáo Hoa Kỳ hiện đại, khái niệm luân hồi không được bàn luận. Quý vị sẽ không nghe mục sư nói về "tiền kiếp" của một người. Đồng thuận chung của Kitô hữu bảo thủ là con người sống một lần và chết một lần. Sách Hêbơơ nói: "Và theo như đã định cho loài người một lần phải chết, rồi sau đó là phán xét" (9:27). Đoạn văn này có vẻ rất minh bạch, nhưng nó đã che khuất một lượng lớn ám chỉ về luân hồi trong Kinh Thánh. Mượn lời chính Cayce khi tỉnh thức: "Tôi có thể đọc ra luân hồi trong Kinh Thánh—và các bạn cũng có thể đọc nó ra khỏi Kinh Thánh!"

Có nhiều ám chỉ nền tảng về luân hồi trong Tân Ước, và một ví dụ gợi ý hơn cả là trong Phúc Âm theo Matthew: "Vì mọi Đấng Tiên tri và Lễ Luật đã nói tiên tri cho đến thời John; và nếu các người sẵn lòng chấp nhận, thì chính ông là Êlia sẽ đến" (11:13-14). Có vẻ Đức Jesus đang nói đến Êlia tái sinh làm John Tẩy Giả. Ngoài dẫn chiếu này, Cayce nói rằng

Baptist. Aside from this reference to reincarnation, Cayce says that the doctrine is contained in John chapter three. At the beginning of John, Jesus tells the Jewish leader Nicodemus that in order to enter the Kingdom of God he must be “born again.” Nicodemus can’t fathom how this is possible and asks Jesus how he is supposed to enter his mother’s womb again so that she can give birth to him.

In this context being born again can signify both a physical rebirth and a spiritual rebirth. When one is baptized the water poured on one’s head represents the blood of Christ, the elemental life force of God which we are purified through and cleansed of our sins. Baptism gives way to a spiritual rebirth. However, we must continually be born in the flesh on earth again until we accept the blood of Christ. A person who has not washed themselves in the blood in one lifetime will always have the opportunity to wash themselves and be born of the Spirit in another lifetime. When we accept the blood of Christ the gateway to heaven opens and we may enter those mansions not made with hands. Each lifetime is an opportunity to take another step closer to God, but if one happens to take a step backward in their walk with God they will always be given another opportunity in a future lifetime to grow closer to Him.

As we have seen, in giving psychic readings for people information came through Cayce which spoke of people’s past lives. Edgar became deeply conflicted when the concept of reincarnation surfaced. Reincarnation was rooted mainly in the teachings of the East, something Edgar had no affiliation with as a Christian. Psychic readings were later given on early Christianity and told of how the doctrine of reincarnation, originally accepted by the Jews, was dropped by the Roman Catholic Church leaders when they decided to spread the Christian faith. This idea of reincarnation was for the Gnostics,

giáo lý ấy còn nằm trong chương ba của John. Ở phần đầu, Đức Jesus nói với thủ lãnh người Do Thái là Nicôđêmô rằng để vào Thiên Giới ông phải “được sinh lại.” Nicôđêmô không thể hiểu nổi điều ấy và hỏi Đức Jesus làm sao ông có thể vào lại lòng mẹ để bà sinh ông một lần nữa.

Trong ngữ cảnh này, được sinh lại có thể hàm nghĩa cả tái sinh thể lý lẫn tái sinh tinh thần. Khi một người chịu phép rửa, nước đổ trên đầu tượng trưng cho huyết của Đức Christ, sinh lực nguyên tố của Thượng đế, nhờ đó chúng ta được thanh tẩy và sạch tội. Phép rửa mở ra một cuộc tái sinh tinh thần. Tuy nhiên, chúng ta phải tiếp tục được sinh làm xác phàm trên trần cho đến khi chúng ta đón nhận huyết của Đức Christ. Một người chưa tắm mình trong huyết ấy trong một đời sẽ luôn có cơ hội được tắm và sinh bởi Thần Khí trong một đời khác. Khi chúng ta đón nhận huyết của Đức Christ, cổng thiên đàng mở ra và chúng ta có thể bước vào “những dinh thự không do tay người làm nên.” Mỗi kiếp sống là một cơ hội để tiến thêm một bước gần Thượng đế; nhưng nếu ai đó lùi một bước trong cuộc bước đi với Ngài, người ấy vẫn sẽ được ban một cơ hội khác trong một kiếp vị lai để lớn lên gần Ngài hơn.

Như chúng ta đã thấy, trong khi ban các bài đọc thông linh cho mọi người, thông tin đã đến qua Cayce nói về tiền kiếp của họ. Edgar trở nên day dứt sâu sắc khi khái niệm luân hồi xuất hiện. Luân hồi chủ yếu bắt rễ trong các giáo lý phương Đông, điều mà Edgar, với tư cách một Kitô hữu, không hề gắn bó. Sau đó các bài đọc dành cho thời Kitô giáo buổi đầu cho biết giáo lý luân hồi, vốn ban đầu được người Do Thái chấp nhận, đã bị các lãnh đạo Giáo hội Công giáo Rôma loại bỏ khi họ quyết định truyền bá đức tin Kitô giáo. Ý tưởng luân hồi dành cho những người Ngộ giáo, một giáo phái Kitô hữu thần bí cố gắng

the sect of Christian mystics who tried to preserve the original doctrines, which were later destroyed by the Roman Church fathers.

gìn giữ các giáo lý nguyên thủy, sau đó bị các giáo phụ Rôma tiêu hủy.

X. THE GNOSTICS—NGỘ GIÁO

In May of 1932 an inquirer of Cayce wanted to know if the ancient doctrine of Gnosticism was at the base of Cayce's alleged Christian prophecies:

(Q) *Is Gnosticism the closest type of Christianity to that which is given through this source? (A) This is a parallel, and was the commonly accepted one until there began to be set rules in which there were the attempts to take short cuts. And there are none in Christianity! (5749-14)*

When Christianity came on the scene circa 30 A.D. it was essentially a new religion in contrast to Judaism and the philosophy of Platonism which had both been around for centuries. People who were becoming new Christians were likely aware of and influenced by the array of religious beliefs that existed up to that point, and it's understandable to see why various views would emerge among early Christian groups, one of those groups being the Gnostics.

Gnosticism had its inception in the early first century not so much as a religion but more so as a spiritual school of thought. The Gnostics were considered Christian intellectuals who were influenced by Greek philosophy. They believed that knowledge was central in spiritual development and that having true knowledge was just as important as having true faith. The Gnostics held to the idea that individual souls are trapped within their physical bodies and if they obtained the right knowledge they can escape the evil material world and ascend to the higher, more divine realms. They also believed that at the base of the spine sits a divine spark and through prayer, meditation, and spiritual adherence a person can raise this spark and reach enlightenment. This idea reflects the Hindu

Tháng Năm năm 1932, một người hỏi Cayce muốn biết liệu giáo thuyết cổ Ngộ giáo có nằm ở nền tảng các "lời sấm" Kitô giáo mà Cayce truyền đạt hay không:

(H) *Ngộ giáo có phải là hình thái Kitô giáo gần nhất với điều được ban qua nguồn này không?*

(Đ) *Đây là một đường song song, và vốn là điều được chấp nhận phổ biến cho đến khi bắt đầu có những "luật định" trong đó người ta tìm cách đi đường tắt. Và trong Kitô giáo thì không có đường tắt! (5749-14)*

Khi Kitô giáo xuất hiện khoảng năm 30 CN, nó về căn bản là một tôn giáo mới, đối lập với Do Thái giáo và triết học Platon, vốn đã tồn tại qua nhiều thế kỷ. Những người trở thành Kitô hữu mới hẳn đã biết và chịu ảnh hưởng bởi muôn ngả niềm tin tôn giáo có từ trước đó, và dễ hiểu vì sao nhiều quan điểm khác nhau xuất hiện nơi các nhóm Kitô hữu buổi đầu—một trong số đó là những người Ngộ giáo.

Ngộ giáo khởi sinh đầu thế kỷ thứ nhất, không hẳn như một tôn giáo, mà như một trường phái tư tưởng tinh thần. Những người Ngộ giáo được xem là các trí giả Kitô giáo chịu ảnh hưởng bởi triết học Hy Lạp. Họ tin rằng tri thức là trung tâm của phát triển tinh thần, và có tri thức chân chính quan trọng chẳng kém gì đức tin chân chính. Người Ngộ giáo chủ trương rằng các linh hồn cá nhân bị giam hãm trong thân xác vật chất, và nếu họ đạt được đúng tri thức, họ có thể thoát khỏi thế giới vật chất ác nghiệt và thăng lên các cõi cao hơn, thiêng liêng hơn. Họ cũng tin rằng ở đáy cột sống tồn tại một "tia lửa thiêng," và qua cầu nguyện, tham thiền và giữ hạnh sống tinh thần, một người có thể nâng tia lửa ấy lên và đạt giác ngộ. Quan niệm này phản ánh giáo lý Ấn Độ về Kundalini mà Cayce thường nhắc đến.

teaching of the Kundalini which Cayce referred to quite often.

The Gnostics believed that Jesus was sent to earth to speak the knowledge and the truth that would set people free from the material world: “So Jesus said to the Jews who had believed him, ‘If you abide in my word, you are truly my disciples, and you will know the truth, and the truth will set you free’” (John 8:31-32). To be set free from the earth we must first understand that we come from God. We must know ourselves and with enough understanding about who we are and where we come from we may transcend the prison that is the human body trapped in a perpetual cycle of reincarnation until the knowledge and the truth of Jesus Christ sets us free.

In the early Roman Empire, there were attempts to snuff out Gnosticism. This was most likely a political move by the Romans to assert more power and control over the masses. Since knowledge (Gnosis) is power, keeping the people of the Roman Empire in ignorance and away from such grand thinking would be advantageous to the rulers in Rome; they could enforce their own doctrines which would control the mindset of the masses. Cayce says that the Catholic Church; the universal church, was the true church founded by Jesus but that it was not the “Roman” Catholic Church. Cayce, as well as Jesus, says that the true church is within you—this idea being most representative of a Gnostic viewpoint.

Eventually, the entire Gnostic movement was seen as a threat to the Roman Catholic Church. During the fourth century, the church fathers set out to destroy and burn all the Gnostic writings that were deemed heretical, or incorrect teachings. However, some Gnostics hid those books and buried them only to be discovered 1600 years later in 1945 in the Egyptian town of Nag Hammadi. Furthermore, Cayce predicted

Người Ngộ giáo tin rằng Đức Jesus được sai đến trần gian để phán nói tri thức và chân lý sẽ giải phóng con người khỏi thế giới vật chất: “Vậy Đức Jesus nói với những người Do Thái đã tin Ngài: ‘Nếu các người ở lại trong lời của Ta, các người thật là môn đệ của Ta; các người sẽ biết chân lý, và chân lý sẽ giải phóng các người’” (John 8:31-32). Để được giải phóng khỏi trần thế, trước hết chúng ta phải hiểu rằng chúng ta đến từ Thượng đế. Chúng ta phải biết chính mình, và khi đủ thấu hiểu về ta là ai và từ đâu đến, chúng ta có thể vượt qua nhà ngục là thân thể con người bị mắc kẹt trong vòng luân hồi vô tận—cho đến khi tri thức và chân lý của Đức Jesus Christ giải phóng chúng ta.

Trong Đế quốc La Mã buổi đầu, đã có nỗ lực dập tắt Ngộ giáo. Rất có thể đó là một động thái chính trị của người La Mã nhằm áp đặt thêm quyền lực và kiểm soát đám đông. Vì tri thức là quyền năng, nên giữ cho dân chúng Đế quốc La Mã ở trong vô minh và xa rời những tư tưởng lớn như vậy sẽ có lợi cho những người cầm quyền ở Rôma; họ có thể áp đặt các giáo điều của riêng mình để chi phối tư tưởng quần chúng. Cayce nói rằng Giáo hội Công giáo—giáo hội phổ quát—là Giáo hội chân chính do Đức Jesus thiết lập, nhưng đó không phải là “Giáo hội Công giáo Rôma.” Cayce, cũng như Đức Jesus, nói rằng Giáo hội chân chính ở trong lòng bạn—ý tưởng này rất tiêu biểu cho quan điểm Ngộ giáo.

Rốt cuộc, toàn bộ phong trào Ngộ giáo bị xem là mối đe dọa với Giáo hội Công giáo Rôma. Thế kỷ thứ tư, các giáo phụ ra tay tiêu hủy và đốt các trước tác Ngộ giáo bị xem là lạc giáo, tức các giáo huấn sai lạc. Tuy vậy, một số người Ngộ giáo đã cất giấu những sách ấy, chôn xuống đất, và 1600 năm sau—năm 1945—chúng được phát hiện tại thị trấn Nag Hammadi của Ai Cập. Hơn nữa, Cayce đã tiên báo việc phát hiện các cuộn sách Biển Chết từ

the discovery of the Dead Sea scrolls years beforehand. These ancient documents are just one example of early Christian writings that have surfaced among the plethora of biblical manuscripts throughout history.

nhiều năm trước. Những tài liệu cổ này chỉ là một ví dụ về các trước tác Kitô giáo buổi đầu đã xuất lộ giữa rừng bản thảo Kinh Thánh qua dòng lịch sử.

XI. BIBLICAL MANUSCRIPTS—CÁC BẢN THẢO KINH THÁNH

In modern times in a court of law there are stenographers who type out what people are saying while giving their testimonies, carefully listening to every word trying to capture dialogue with complete accuracy. In ancient times this wasn't the case. In Jesus' time in Palestine, roughly ninety-seven percent of the population could neither read nor write. What we read in our modern Bibles comes from stories told about Jesus passed on through oral traditions, basically word of mouth. The first written accounts of Jesus' life and ministry did not surface until about forty years after his death. Throughout the centuries copies were handwritten over and over again until the birth of the printing press in the fifteenth century.

Although early scribes tried their best to write and record information about Jesus they were still subject to the differing accounts and interpretations of people. When you compare the four gospels side by side you see that events are different; genealogies differ from one another, Jesus has two different grandfathers, he died on two different days, etc. Jesus says different things in different gospels and appears to portray his divinity more so in the Gospel of John. Simple contradictions may seem irrelevant but it is important to recognize that these differences exist. The gospels cannot be considered genuine historical documents that contain 100% factual information. Much information may have been fabricated. Nonetheless, some places and people in the gospels can be validated by outside sources including archeological evidence. Cayce says that there have been many versions of the Bible presented throughout history, all of which have been altered by scribes. He says that the Bible contains both factual information and

Ngày nay, tại tòa án, có những thư ký tốc ký đánh máy lại lời khai của mọi người, chăm chú lắng nghe từng chữ nhằm ghi lại đối thoại chính xác hoàn toàn. Ngày xưa không như vậy. Vào thời Đức Jesus tại Palestine, khoảng chín mươi bảy phần trăm dân số mù chữ. Những gì chúng ta đọc trong các bản Kinh Thánh hiện đại đến từ những câu chuyện về Đức Jesus được lưu truyền bằng truyền khẩu, cơ bản là nói miệng. Những ghi chép đầu tiên về đời sống và sứ vụ của Đức Jesus mãi khoảng bốn mươi năm sau khi Ngài qua đời mới xuất hiện. Qua nhiều thế kỷ, các bản sao được chép tay lặp đi lặp lại cho đến khi máy in ra đời vào thế kỷ mười lăm.

Dù các ký lục buổi đầu cố gắng hết sức để ghi chép về Đức Jesus, họ vẫn lệ thuộc vào các thuật sự và diễn giải khác nhau của con người. Khi đặt bốn phúc âm cạnh nhau, bạn thấy các biến cố khác nhau; gia phả khác nhau; Đức Jesus có hai người ông ngoại khác nhau; Ngài “chết” vào hai ngày khác nhau, v.v. Đức Jesus nói những điều khác nhau trong các phúc âm khác nhau, và dường như bày tỏ thiên tính của Ngài rõ hơn trong Phúc Âm theo John. Những mâu thuẫn đơn giản có vẻ không trọng yếu, nhưng điều quan trọng là phải nhận ra sự khác biệt ấy hiện hữu. Các phúc âm không thể được xem là những tài liệu lịch sử thuần chân chứa 100% dữ kiện chính xác. Nhiều thông tin có thể đã được khuếch trương hay hư cấu. Tuy nhiên, một số địa danh và nhân vật trong các phúc âm có thể được xác nhận bởi các nguồn bên ngoài, bao gồm chứng cứ khảo cổ. Cayce nói rằng đã có nhiều phiên bản Kinh Thánh được trình ra xuyên suốt lịch sử, tất cả đều bị các ký lục sửa đổi. Ông nói Kinh Thánh vừa chứa dữ kiện vừa chứa biểu tượng, và không phải câu chuyện nào trong Kinh Thánh cũng là sự

symbolism and not every story in the Bible was an actual occurrence. For example, the readings say that the Book of Job, written by Melchizedek, was completely allegorical.

When it comes to the texts of the New Testament, Cayce says that the Gospel of Mark was written in Rome, dictated by the Apostle Peter in collaboration with the disciple Barnabas. The Gospel of Matthew was written about ten to eighteen years after Mark. The Gospel of Matthew was composed by a scribe in the ancient land of Pamphylia, which is located in the southern portion of Asia Minor. The Gospel of Luke was written by a man named Lucius (said to be a past incarnation of Edgar Cayce) who was a companion of Luke the physician. Both Lucius and Luke followed the Apostle Paul in doing missionary work and spreading the good news of Christ. The Gospel of John was not written by John the Beloved but rather by a companion of John the Beloved, a scribe whose name was also John. Throughout the years the Gospel of John would be touched upon by many scribes but eventually came to be compiled nearly fifty years after the crucifixion of Christ. Cayce notes that when the early doctrines of Christianity made their way into the provinces of the Roman forum the stories were changed which made for the inconsistencies among scripture.

Scholars and archaeologists are always on the hunt for new manuscripts that may lie hidden within the sands of ancient lands. Many ancient manuscripts have been found and more will be found with continued searching. Cayce says that there are additional manuscripts written by Jesus' followers hidden within the great Pyramid:

(Q) *Are there any written records which have not been found of the teachings? (A) More, rather, of those of the close associates, and those records that are yet to be found of the preparation of the man, of the Christ, in those of the tomb, or those yet to be uncovered in the*

kiện đã thực sự xảy ra. Chẳng hạn, các bài đọc nói rằng sách Gióp, do Melchizedek viết, hoàn toàn là ẩn dụ.

Đối với các văn bản Tân Ước, Cayce cho biết Phúc Âm theo Mark được viết tại Roma, do Tông đồ Phêrô đọc cho chép, với sự cộng tác của môn đệ Barnabas. Phúc Âm theo Matthew được viết khoảng mười đến mười tám năm sau Mark. Phúc Âm theo Matthew do một ký lục ở vùng đất cổ Pamphylia—thuộc miền nam Tiểu Á—soạn tác. Phúc Âm theo Luke được viết bởi một người tên Lucius (được nói là một tiền kiếp của Edgar Cayce), người đồng hành với Luke, vị thầy thuốc. Cả Lucius và Luke đi theo Tông đồ Phao-lô làm công cuộc truyền giáo và loan báo tin mừng của Đức Christ. Phúc Âm theo John không phải do John “Người Được Thương Mến” viết, mà bởi một người bạn đồng hành của John, cũng là một ký lục tên John. Qua nhiều năm, Phúc Âm theo John bị bàn tay nhiều ký lục chạm đến, nhưng cuối cùng được biên soạn gần năm mươi năm sau cuộc đóng đinh Đức Christ. Cayce lưu ý rằng khi các giáo điều sơ kỳ của Kitô giáo tiến vào các tỉnh thuộc đế quốc La Mã, các câu chuyện đã bị đổi khác, dẫn đến những bất nhất trong Kinh Thánh.

Các học giả và nhà khảo cổ luôn săn tìm những bản thảo mới có thể đang ẩn dưới cát bụi của các miền đất cổ. Nhiều bản thảo cổ đã được tìm thấy, và sẽ còn nhiều nữa được phát hiện với việc tiếp tục tìm kiếm. Cayce nói rằng có những bản thảo khác do những người thân cận với Đức Jesus chép, hiện còn ẩn trong Đại Kim tự tháp:

(H) *Có bản ghi chép nào về các giáo huấn mà chưa được tìm thấy không? (Đ) Nhiều hơn, đúng hơn, là của những người thân cận, và những bản ghi chép ấy còn sẽ được tìm thấy về việc chuẩn bị con người—về Đức Christ—trong các mộ phần, hoặc những thứ còn sẽ*

pyramid. (5749-2)

In light of the array of biblical inconsistencies and contradictions, losing the main purpose of a story or message due to the over-analysis of varying texts proves vain in the attempt to draw closer to our Lord. The Word of God is sacred and the scribes who took it upon themselves to transcribe ancient texts throughout the centuries were given a divine purpose that has stood the test of time.

được phát lộ trong kim tự tháp. (5749-2)

Trước một rừng bất nhất và mâu thuẫn trong Kinh Thánh, việc đánh mất mục đích chính của một câu chuyện hay sứ điệp do quá sa đà phân tích các văn bản khác nhau rốt cuộc là phù phiếm khi chúng ta muốn đến gần với Chúa chúng ta. Linh từ của Thượng đế là thiêng liêng, và các ký lục tự đảm nhận việc sao chép các văn bản cổ qua nhiều thế kỷ đã được trao một thiên chức đứng vững qua thử thách của thời gian.

XII. PROPHECY—TIÊN TRI

Outside of the Bible ancient history holds a plethora of fortune tellers, mystics, and magicians. Only in early Judaism do we have the emergence of prophets: those who speak the Word of God. In Deuteronomy chapter 18 Moses says: “And if you say in your heart, ‘How may we know the word that the Lord has not spoken?’—when a prophet speaks in the name of the Lord, if the word does not come to pass or come true, that is a word that the Lord has not spoken” (21-22). Proof is important to Moses, and if what a prophet predicts comes true then we are inclined to believe that their message is indeed from God. Jesus, as a prophet, predicted many things that came true; he predicted Judas’s betrayal, Peter’s denial, the day of his death, and the resurrection of his body.

Prophecy first arose because the people of Israel were turning to paganism, worshiping idols, and engaging in occult activities. God then decided to use men as messengers in order to put people back on track both morally and spiritually. Prophets urged the people to turn from their sins so that they may be in communion with God and forewarned of the troubles that lie ahead with continued disobedience. Prophecy was meant to provide divine guidance and instruction, but most notably prophecy gave the promise of a Savior to the people of Israel and ultimately the entire world.

The Old Testament contains over fifty prophecies attributed to Jesus, the Messiah who was to come. Moses delivered a message from God to the people when he said: “I will raise up for them a prophet like you from among their brothers. And I will put my words in his mouth, and he shall speak to them all that I command him” (Deut. 18:18). This passage is believed to foretell of Jesus who said: “For I have not spoken on my own authority, but the Father who sent me has

Ngoài Kinh Thánh, lịch sử cổ còn có một bể đầy kẻ bói toán, các nhà thần bí và pháp sư. Chỉ trong Do Thái giáo buổi đầu mới thấy xuất hiện các ngôn sứ—những người phán Linh từ của Thượng đế. Trong Phục Truyền Luật Lệ Ký chương 18, Môsê nói: “Và nếu người nói trong lòng: ‘Làm sao chúng ta biết lời nào Chúa không phán?’—khi một ngôn sứ nhân danh Chúa mà nói, nếu lời nói ấy không xảy đến, không ứng nghiệm, ấy là lời Chúa không phán” (21-22). Bằng chứng quan trọng với Môsê, và nếu điều ngôn sứ dự báo ứng nghiệm, thì chúng ta có khuynh hướng tin rằng sứ điệp của họ quả đến từ Thượng đế. Đức Jesus, với tư cách một ngôn sứ, đã tiên báo nhiều điều ứng nghiệm; Ngài báo trước việc Judas phản bội, việc Phêrô chối Ngài, ngày Ngài chịu chết, và sự phục sinh thân thể Ngài.

Tiên tri khởi sinh vì dân Israel quay về ngoại giáo, thờ ngẫu tượng và dẫn mình vào các hoạt động huyền thuật. Thượng đế bèn dùng con người làm sứ giả để đưa dân trở lại nẻo ngay lành cả về đạo đức lẫn tinh thần. Các ngôn sứ giục dân từ bỏ tội lỗi để được hiệp thông với Thượng đế, và cảnh báo các hoạn nạn sẽ đến nếu cứ tiếp tục bất tuân. Tiên tri nhằm đem lại chỉ dẫn và giáo huấn thiêng liêng; nổi bật hơn cả, tiên tri ban lời hứa về một Đấng Cứu Thế cho dân Israel và rốt cuộc cho toàn thế giới.

Cựu Ước chứa hơn năm mươi lời sấm quy chiếu về Đức Jesus, Đấng Mêsia sẽ đến. Môsê truyền đạt một thông điệp từ Thượng đế cho dân khi ông nói: “Ta sẽ khiến dấy lên cho họ một ngôn sứ như người từ giữa anh em họ. Ta sẽ để lời Ta trong miệng người ấy, và người ấy sẽ phán với họ mọi điều Ta truyền” (Phục Truyền 18:18). Đoạn này được tin là tiên báo về Đức Jesus, Đấng đã nói: “Vì Ta chẳng tự mình nói điều gì, nhưng Cha là Đấng sai Ta, chính Ngài đã truyền cho Ta

himself given me a commandment—what to say and what to speak” (John 12:49).

The gift of prophecy was also bestowed upon the apostles before spreading the good news of Christ. In the New Testament, Jesus gives them a message before sending them out into the world among their persecutors: “When they deliver you over, do not be anxious how you are to speak or what you are to say, for what you are to say will be given to you in that hour. For it is not you who speak, but the Spirit of your Father speaking through you” (Matt. 10:19-20).

When Jesus came upon the world to spread his message he knew he would need help if his message were to stand the test of time. One man alone preaching on a street corner does little compared to a dozen men spread among a city preaching on all blocks. Jesus needed his word to be widespread but he also needed his word to be consistent. The Twelve Apostles would be scattered throughout the lands yet all had to be in sync with their message. Prophecy, here, was absolutely necessary so that the truth of the gospel, and the answers to all questions, be consistent in every place. God made himself known to man not only through the words of His Son but also through the words of simple fishermen. Jesus didn’t choose kings, governors, or even teachers to deliver his message because it wasn’t necessary given that nothing is impossible with God.

The Apostle Paul considers prophecy a spiritual gift to be used earnestly. In 1st Corinthians, Paul tells us: “Pursue love, and earnestly desire the spiritual gifts, especially that you may prophesy” (14:1). Like Paul, Edgar Cayce encouraged people to seek the gift of prophecy. Spiritual gifts such as prophecy may lie dormant in many individuals and may be awakened within a person simply by seeking the ability.

điều gì phải nói và phải phán” (John 12:49).

Ân tứ tiên tri cũng được ban cho các tông đồ trước khi họ đi loan báo tin mừng của Đức Christ. Trong Tân Ước, Đức Jesus căn dặn họ trước khi sai họ ra thế gian giữa những kẻ bách hại họ: “Khi người ta nộp các ngươi, chớ lo phải nói làm sao hay sẽ nói điều gì, vì trong giờ ấy điều các ngươi phải nói sẽ được ban cho các ngươi. Vì không phải chính các ngươi nói, mà là Thần Khí của Cha các ngươi phán trong các ngươi” (Matt. 10:19-20).

Khi Đức Jesus đến thế gian rao truyền sứ điệp của Ngài, Ngài biết rằng nếu muốn sứ điệp ấy bền vững qua thời gian, Ngài sẽ cần sự trợ giúp. Một người đơn độc rao giảng nơi góc phố làm được ít hơn nhiều so với một tá người tỏa ra khắp phố phường. Đức Jesus cần Linh từ của Ngài được truyền rộng, nhưng Ngài cũng cần nó được nhất quán. Mười Hai Tông đồ sẽ tản ra khắp các miền, nhưng tất cả phải đồng điệu trong sứ điệp. Ở đây, tiên tri là điều tuyệt đối cần thiết để chân lý của phúc âm, và lời giải đáp cho mọi câu hỏi, được nhất quán ở mọi nơi. Thượng đế bày tỏ chính Ngài cho nhân loại không chỉ qua Linh từ của Con Ngài, mà còn qua lời của những ngư phủ đơn sơ. Đức Jesus không chọn vua chúa, quan trấn hay ngay cả các thầy dạy để trao sứ điệp, vì không cần thiết—bởi với Thượng đế thì không điều gì bất khả.

Tông đồ Phao-lô xem tiên tri là một ân tứ tinh thần cần được khao khát cách nghiêm cần. Trong thư 1 Côrintô, Phao-lô nói: “Hãy theo đuổi Tình thương, và hết lòng ước ao các ân tứ tinh thần, nhất là ước ao ơn tiên tri” (14:1). Cũng như Phao-lô, Edgar Cayce khích lệ mọi người cầu tìm ân tứ tiên tri. Những ân tứ tinh thần như tiên tri có thể đang ngủ yên nơi nhiều người và có thể được đánh thức đơn giản bằng việc chủ tâm tìm kiếm khả năng ấy.

Once while giving a health reading for an elderly man, Edgar described all the physical problems in the man's body along with all the causes. Edgar then shifted toward the importance of keeping the mind and body focused on living a spiritual life. Then suddenly with a booming voice, he spoke these prophetic words of warning, apparently from the archangel Michael:

BOW THINE HEADS, YE CHILDREN OF MEN! FOR I, MICHAEL, LORD OF THE WAY, WOULD SPEAK WITH THEE! YE GENERATION OF VIPERS, YE ADULTEROUS GENERATION, BE WARNED! THERE IS TODAY BEFORE THEE GOOD AND EVIL! CHOOSE THOU WHOM YE WILL SERVE! WALK IN THE WAY OF THE LORD! OR ELSE THERE WILL COME THAT SUDDEN RECKONING... (294-208)

For Jews and Christians throughout history prophecy has provided insight for those who seek spiritual truths; for those who wish to know God and His good will. The Lord has made himself known through prophets of the past as well as modern-day seers such as Edgar Cayce. Cayce was a devout Christian man who was given the gift of prophecy, just as many individuals have been given throughout the ages.

Có lần, khi đang ban một bài đọc sức khỏe cho một cụ ông, Edgar mô tả tất cả những trục trặc trong thân thể người ấy cùng các nguyên nhân. Rồi Edgar chuyển sang nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ cho tâm trí và thân thể chuyên chú sống một đời tinh thần. Bất chợt, với một giọng phán nặng uy lực, ông thốt ra những lời cảnh cáo như tiên tri, dường như đến từ Tổng lãnh thiên thần Michael:

HÃY CÚI ĐẦU, HỒI CÁC CON CỦA NHÂN LOẠI! VÌ TA, MICHAEL, CHÚA TẾ CỦA CON ĐƯỜNG, MUỐN PHÁN CÙNG CÁC NGƯỜI! HỒI DÒNG GIỐNG RẪN ĐỘC, HỒI THỂ HỆ NGOẠI TÌNH, HÃY CẢNH GIÁC! HÔM NAY TRƯỚC MẶT CÁC NGƯỜI LÀ ĐIỀU THIỆN VÀ ĐIỀU ÁC! HÃY CHỌN XEM CÁC NGƯỜI SẼ PHỤNG SỰ AI! HÃY ĐI TRONG ĐƯỜNG LỐI CỦA CHÚA! NẾU KHÔNG, SẼ ĐẾN SỰ TÍNH TOÁN ĐỘT NGỘT ẤY... (294-208)

Đối với người Do Thái và Kitô hữu xuyên suốt lịch sử, tiên tri đã cung ứng minh triết cho những ai tìm kiếm các chân lý tinh thần; cho những ai ước muốn biết Thượng đế và Thiện ý của Ngài. Chúa đã tỏ mình qua các ngôn sứ thuở xưa cũng như qua những nhà tiên tri thời nay như Edgar Cayce. Cayce là một người Kitô hữu mộ đạo, được ban ân tứ tiên tri, như nhiều người đã được ban qua nhiều thời đại.

XIII. CHRIST'S RETURN—SỰ TRỞ LẠI CỦA ĐỨC CHRIST

After receiving revelations from Jesus, the Apostle Paul came to think that Jesus would soon come down from heaven and initiate a transformation. He writes to his church in Corinth that: “the appointed time has grown short” and to “deal with the world as if they had no dealings with it” (1 Cor. 7:29-31). Societal matters such as marriage, family, and business were of no concern to Paul since the present form of the world was passing away, and the end was soon to come. Paul had his followers convinced this was going to happen.

As time went on Paul's followers started to worry because people in the communities were dying and Jesus had not yet come. Paul told them not to grieve because when Jesus soon came back the believers who had already died would be the first to rise up and those who were left alive would experience a change in their bodies and then be taken up to heaven to meet Jesus in the air. Paul was obviously mistaken regarding the return of the Master, as he was expecting Christ to return within his own lifetime.

Like Paul, there have been others throughout history who have tried to predict the time of Jesus' return, however, all those predictions proved to be false, and no future predictions of Christ's return will ever come true. Any person who claims to know the specific times and dates regarding the second coming of Christ is flat-out wrong. When people came to Edgar Cayce wanting to know when Jesus would return he told them of what scripture reflects:

(Q) He said He would come again. What about His second coming? (A) The time no one knows. Even as He gave, not even the Son Himself. ONLY the Father. (5749-2)

When Jesus returns he will come down from

Sau khi nhận những sự mặc khải từ Đức Jesus, Tông đồ Phao-lô đã nghĩ rằng Ngài sẽ sớm từ trời giáng xuống và khởi xướng một cuộc chuyển đổi. Ông viết cho Hội thánh của mình ở Cô-rinh-tô rằng: “thời kỳ đã gần kề” và khuyên “hãy xử sự với thế gian như thể họ chẳng có giao dịch gì với nó” (1 Cor. 7:29-31). Những việc xã hội như hôn nhân, gia đình, làm ăn buôn bán không mấy bận lòng đối với Phao-lô, vì hình thức hiện tại của thế gian đang qua đi, và hồi kết sắp đến. Phao-lô đã khiến những người theo ông tin chắc điều này sẽ xảy ra.

Theo thời gian, các môn đồ của Phao-lô bắt đầu lo lắng vì người trong các cộng đoàn lần lượt qua đời mà Đức Jesus vẫn chưa đến. Phao-lô bảo họ đừng sầu não, vì khi Đức Jesus sớm trở lại, các tín hữu đã qua đời sẽ là những người đầu tiên sống lại, còn những người còn sống sẽ trải nghiệm một sự biến đổi nơi thân thể rồi được cất lên trời để gặp Đức Jesus trên không trung. Rõ ràng Phao-lô đã lầm về sự trở lại của Đức Thầy, vì ông trông đợi Đức Christ trở lại ngay trong đời mình.

Như Phao-lô, đã có những người khác trong lịch sử tìm cách đoán định thời điểm Đức Jesus trở lại, tuy nhiên mọi lời đoán ấy đều tỏ ra sai, và những dự đoán tương lai về sự trở lại của Đức Christ cũng sẽ không bao giờ thành sự thật. Bất kỳ ai tự nhận biết chính xác thời giờ và ngày tháng về lần đến thứ hai của Đức Christ đều hoàn toàn sai lầm. Khi người ta đến với Edgar Cayce muốn biết khi nào Đức Jesus sẽ trở lại, Ông nói với họ điều mà Kinh điển phản ánh:

(H) Ngài đã nói Ngài sẽ lại đến. Còn lần đến thứ hai của Ngài thì thế nào? (Đ) Thời điểm thì không ai biết. Như chính Ngài đã phán, ngay cả Người Con cũng không (biết). CHỈ Cha mà thôi. (5749-2)

Khi Đức Jesus trở lại, Ngài sẽ từ trời ngự

heaven with a loud voice and the sound of God's trumpets will fill the air. There will be a powerful earthquake. The sun will turn black and the moon will turn blood red. Jesus will arrive with his angels and will sit on his throne before all nations. He will then separate those who belong to God and place them on his right, and those who are accursed and belong to the Devil will be put on his left. Jesus will then speak to the righteous ones and profess his approval for their good deeds. The Lord will then speak to the unrighteous ones and will call them out on their evil deeds and their lack of love for others. Jesus will then command that the evil ones be cast into eternal punishment whereas the righteous ones will inherit eternal life in heaven.

It is crucial that believers in Christ be prepared for his second coming. The return of Jesus should not be regarded fully as a day of fear but rather as a joyous day for his followers. He will come at an unexpected hour which no one knows, therefore, each day we must be on guard while keeping a hopeful heart regarding the return of the Master.

Then, as that coming into the world in the second coming - for He will come again and receive His own, who have prepared themselves through that belief in Him and acting in that manner... and are YOU ready to give an account of what YOU have done with your opportunity in the earth as the Sons of God, as the heirs and joint heirs of glory WITH the Son? Then make your paths straight, for there must come an answering for that which YOU have done with your Lord! (364-7)

xuống với tiếng hô vang, và tiếng loa của Thượng đế sẽ tràn ngập không trung. Sẽ có một trận động đất mãnh liệt. Mặt trời sẽ hóa đen và mặt trăng sẽ hóa đỏ như máu. Đức Jesus sẽ đến cùng các thiên sứ của Ngài và sẽ ngồi trên ngai của Ngài trước mặt muôn dân. Bấy giờ Ngài sẽ phân rẽ những ai thuộc về Thượng đế và đặt họ bên hữu, còn những kẻ bị chúc dữ, thuộc về Ma Quỷ, sẽ bị đặt bên tả. Đức Jesus sẽ phán với những người công chính và bày tỏ sự chấp thuận của Ngài đối với các việc lành họ đã làm. Chúa cũng sẽ phán với những kẻ bất chính, khiển trách họ về các việc ác và sự thiếu tình thương đối với người khác. Đức Jesus sẽ truyền rằng những kẻ ác bị ném vào hình phạt đời đời, còn những người công chính sẽ hưởng sự sống đời đời trên trời.

Điều trọng yếu là các tín hữu nơi Đức Christ phải sẵn sàng cho lần đến thứ hai của Ngài. Sự trở lại của Đức Jesus không nên được xem hoàn toàn như một ngày sợ hãi mà là một ngày hân hoan cho những người theo Ngài. Ngài sẽ đến vào giờ không ai biết, vì thế mỗi ngày chúng ta phải tỉnh thức, đồng thời giữ lòng trông cậy về sự trở lại của Đức Thầy.

Rồi, về sự Ngài đến trong thế gian ở lần đến thứ hai — vì Ngài sẽ lại đến và tiếp nhận những kẻ thuộc về Ngài, là những người đã tự chuẩn bị qua niềm tin nơi Ngài và hành xử theo cách ấy... và CÒN BẠN, bạn đã sẵn sàng để tường trình về những gì BẠN đã làm với cơ hội của mình trên trần thế như là Các Con của Thượng đế, như những người thừa kế và đồng thừa kế vinh quang CÙNG với Người Con chưa? Vậy hãy sửa cho thẳng đường lối của bạn, vì ắt phải có một lời đáp cho điều mà BẠN đã làm với Chúa của mình! (364-7)

XIV. MEDITATION REFLECTIONS—. SUY NIỆM THAM THIỀN

Listen to the voice within thee. For, His spirit will bear witness with thy spirit and guide thee in the way that thou shouldst go. (262-59)

Cayce often stressed the importance of meditation, especially in the context of being a Christian. As a young adult, the concept of meditation never caught my interest. Meditation was an Eastern practice that held no weight in my Christian upbringing. However, after coming across the Edgar Cayce material and some very interesting passages on meditation I decided I would give it a try. I didn't know what to expect and I wasn't sure how to approach meditation in the beginning, but I figured it couldn't be that complicated.

For my first session, I turned off all the lights. I arranged my pillows on my couch, and sat cross-legged and made myself as comfortable as I could possibly get. I closed my eyes and began to focus on my breathing. As I focused on my breathing my body became incredibly relaxed. I didn't really focus on anything during my first session except for my breathing.

After about twenty minutes of sitting relaxed in the dark I opened up my eyes and I felt wonderful. I felt refreshed like I had just gotten back from a vacation. My body along with my mind felt restored. From then on I decided to make meditation a weekly practice. Furthermore, I decided that for each meditation session, I would ask myself a few questions that came to mind. I discovered that the answers would come in a whisper which I wrote down after each session. The following are the questions I asked myself and the answers that followed while in a state of deep meditation. In sharing this, I can only hope that it may help

Hãy lắng nghe tiếng nói bên trong người. Vì Thần Khí của Ngài sẽ làm chứng cùng thần khí của người và dẫn người theo con đường người nên đi. (262-59)

Cayce thường nhấn mạnh tầm quan trọng của tham thiền, đặc biệt trong bối cảnh là một người Kitô hữu. Khi còn trẻ, khái niệm tham thiền chưa từng thu hút tôi. Tham thiền là một thực hành phương Đông không có chỗ đứng trong nền giáo dưỡng Kitô giáo của tôi. Tuy nhiên, sau khi tình cờ tiếp cận các tài liệu của Edgar Cayce và vài đoạn rất thú vị về tham thiền, tôi quyết định thử. Tôi không biết nên trông đợi gì và cũng không chắc nên tiếp cận tham thiền ra sao lúc ban đầu, nhưng tôi nghĩ chắc cũng không quá phức tạp.

Cho buổi đầu tiên, tôi tắt hết đèn. Tôi sắp xếp gối trên ghế dài, ngồi xếp bằng và khiến mình thoải mái nhất có thể. Tôi nhắm mắt và bắt đầu tập trung vào hơi thở. Khi tập trung vào hơi thở, thân thể tôi trở nên thư giãn lạ thường. Trong buổi đầu, tôi hầu như không chú ý đến điều gì ngoài hơi thở.

Sau khoảng hai mươi phút ngồi thư thái trong bóng tối, tôi mở mắt ra và cảm thấy tuyệt vời. Tôi thấy tươi mới như vừa trở về sau một kỳ nghỉ. Thân thể cùng với tâm trí cảm thấy được phục hồi. Từ đó, tôi quyết định biến tham thiền thành thực hành hàng tuần. Hơn nữa, tôi quyết định rằng mỗi kỳ tham thiền, tôi sẽ tự hỏi mình vài câu hiện lên trong tâm. Tôi nhận ra các câu trả lời đến như một tiếng thì thầm mà tôi ghi lại sau mỗi buổi. Dưới đây là các câu hỏi tôi tự hỏi và những câu trả lời theo sau khi ở trong trạng thái tham thiền sâu. Khi chia sẻ điều này, tôi chỉ mong rằng nó có thể giúp ích cho ai đó bằng bất cứ cách nào có thể. Vì như Cayce đã

another in any way possible. For as Cayce nói:
gave:

*There will be occasions when a personal word
in the first may make for more hopeful
attitudes on the part of the seekers. (281-20)*

*Sẽ có những lúc một lời nhắn riêng ở ban đầu
có thể làm nảy sinh thái độ hy vọng hơn nơi
người đi tìm. (281-20)*

Meditation Reflections—Suy Niệm Tham Thiền

(Q) *What must I do about loneliness, boredom and frustration? (A) You have been provided a dwelling place. Do not dwell on those feelings but use your alone time as fruitfully as possible. Use this time to gain knowledge and practice; develop yourself spiritually.*

(H) *Tôi phải làm gì về nỗi cô đơn, buồn chán và bức bối? (Đ) Bạn đã được ban cho một chỗ ở. Đừng đắm mình trong những cảm xúc đó mà hãy dùng thời gian ở một mình một cách hữu ích nhất có thể. Hãy dùng thời gian này để thu nạp tri thức và thực hành; phát triển bản thân về phương diện tinh thần.*

(Q) *Should I invest in more relationships? (A) Invest in those closest to you now.*

(H) *Tôi có nên đầu tư thêm cho các mối quan hệ không? (Đ) Hãy dành tâm lực cho những người gần gũi với bạn hiện nay.*

(Q) *Is it important to seek a mate? (A) Understand that you do not require a relationship with a woman in order to be a man of God.*

(H) *Việc tìm một bạn đời có quan trọng không? (Đ) Hãy hiểu rằng bạn không cần có quan hệ với một người nữ để trở thành người của Thượng đế.*

(Q) *How do I let go of the past? (A) Close the book of the past and open up the book of the future; the book of the present.*

(H) *Làm sao buông bỏ quá khứ? (Đ) Hãy khép cuốn sách quá khứ và mở cuốn sách tương lai; cuốn sách của hiện tại.*

(Q) *Is there any other vocation I should focus on besides my current job? (A) Pursue that which interests you the most.*

(H) *Ngoài công việc hiện tại, có ơn gọi nào khác tôi nên tập trung không? (Đ) Hãy theo đuổi điều hấp dẫn bạn nhất.*

(Q) *Is there anything else I should know? (A) Do what makes you happy.*

(H) *Còn điều gì khác tôi nên biết không? (Đ) Hãy làm điều khiến bạn hạnh phúc.*

(Q) *Is there anything in my day-to-day life that I shouldn't be doing? (A) It is more important WHAT you are doing.*

(H) *Có điều gì trong đời sống thường nhật mà tôi không nên làm không? (Đ) Điều quan trọng hơn là BẠN đang làm gì.*

(Q) *How do I develop more compassion? (A) Let your defenses down. Open up your heart and let others in; care for them, help them, love them.*

(H) *Làm sao tôi phát triển lòng từ bi hơn? (Đ) Hạ thấp hàng rào phòng vệ. Mở lòng và đón người khác vào; chăm sóc họ, giúp đỡ họ, yêu thương họ.*

(Q) *How may I better serve God? (A) Follow His Word.*

(H) *Làm sao tôi phụng sự Thượng đế tốt hơn? (Đ) Hãy theo Lời của Ngài.*

(Q) *What church should I go to? (A) The first one you find.*

(H) *Tôi nên đi nhà thờ nào? (Đ) Nhà thờ đầu tiên bạn tìm thấy.*

(Q) Are there any psychic powers that I possess or that I should use? (A) Study your dreams.

(H) Có năng lực thông linh nào tôi sở hữu hoặc nên dùng không? (Đ) Hãy nghiên cứu các giấc mơ của bạn.

(Q) Is there any way I may better remember my dreams? (A) Ask in prayer; in meditation as such.

(H) Có cách nào để tôi nhớ mơ tốt hơn không? (Đ) Hãy cầu xin trong cầu nguyện; trong tham thiền như thế.

(Q) Is there anything else I should know? (A) Patience is love manifested.

(H) Còn điều gì khác tôi nên biết không? (Đ) Nhẫn nại là tình thương được biểu lộ.

(Q) How do I develop patience? (A) Ask in prayer; in meditation as such. Practice in your daily life; be in the doing.

(H) Làm sao tôi phát triển tính nhẫn nại? (Đ) Hãy cầu xin trong cầu nguyện; trong tham thiền như thế. Thực hành trong đời sống hằng ngày; hãy thật sự đặt mình vào việc làm.

(Q) What is the next stage of meditation? (A) A deeper level of depersonalization.

(H) Giai đoạn tiếp theo của tham thiền là gì? (Đ) Một mức độ sâu hơn của sự phi ngã.

(Q) What is the nature of reality? (A) It is the thoughts and actions of man on this earth that God has created.

(H) Bản chất của thực tại là gì? (Đ) Đó là tư tưởng và hành động của con người trên Trái Đất mà Thượng đế đã tạo dựng.

(Q) How do I become enlightened? (A) Understand the nature of reality. Strip yourself of negative thoughts and actions. Be the best person you can be. Gain knowledge and practice.

(H) Làm sao tôi đạt giác ngộ? (Đ) Hãy thấu hiểu bản chất của thực tại. Gỡ bỏ khỏi mình những tư tưởng và hành động tiêu cực. Trở thành con người tốt nhất có thể. Thu nạp tri thức và thực hành.

(Q) How do I overcome the material world? (A) Embrace the Spirit.

(H) Làm sao tôi vượt thắng thế giới vật chất? (Đ) Hãy đón nhận Tinh thần.

(Q) Is it best that I visualize anything during these meditation sessions? (A) You may visualize Christ and his heart and his love. You may visualize the white light that surrounds him and have it embody you.

(H) Trong các buổi tham thiền này, tôi có nên hình dung điều gì không? (Đ) Bạn có thể hình dung Đức Christ cùng trái tim và tình thương của Ngài. Bạn có thể hình dung ánh sáng trắng bao quanh Ngài và để nó bao bọc, thấm nhuần nơi bạn.

(Q) Is self standing in the way of further development? (A) You are on the road. Do not hinder yourself by doubt.

(H) Bản ngã có đang cản trở sự phát triển thêm không? (Đ) Bạn đang ở trên con đường. Đừng tự cản trở mình bởi hoài nghi.

(Q) What must I do to better my life; to take my life to the next level? (A) Put more faith in Him; more trust in Him, more love in Him every day.

(H) Tôi phải làm gì để cải thiện đời sống; đưa đời tôi lên tầm cao mới? (Đ) Hãy đặt nhiều đức tin nơi Ngài hơn; tin cậy Ngài hơn, yêu mến Ngài nhiều hơn mỗi ngày.

(Q) *Is there anything else I should know?* (A) *Your prayers will be answered.*

(H) *Còn điều gì khác tôi nên biết không?* (Đ) *Lời cầu nguyện của bạn sẽ được đáp lại.*

(Q) *May I know who I was in a past life?* (A) *It is who you are in THIS life.*

(H) *Tôi có thể biết tôi là ai trong một tiền kiếp không?* (Đ) *Chính là con người bạn đang là trong CHÍNH đời này.*

(Q) *Who am I?* (A) *A messenger.*

(H) *Tôi là ai?* (Đ) *Một sứ giả.*

(Q) *Should I write an article about Edgar Cayce or a book?* (A) *A book would be preferred.*

(H) *Tôi nên viết một bài về Edgar Cayce hay một cuốn sách?* (Đ) *Một cuốn sách thì được ưu tiên hơn.*

The End

Hết

Thanks for reading!

Cảm ơn vì đã đọc!

If you would like to know more about Edgar Cayce and explore his commentary on astrology and Atlantis, please see the following titles:

Nếu bạn muốn biết thêm về Edgar Cayce và tìm hiểu các bình luận của Ông về chiêm tinh học và Atlantis, xin xem các tựa sách sau:

Edgar Cayce's Psychic Astrology

Edgar Cayce on the Lost City of Atlantis